

PHÒNG GD&ĐT DIỄN CHÂU

(Phụ lục 1)

TRƯỜNG MN DIỄN LỢI**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC CÁC ĐỘ TUỔI**

(Kèm theo Kế hoạch số 98/KH-TrMN ngày 9 tháng 9 năm 2024 trường Mầm non Diễn Lợi)

A. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**TRẺ 24 -36 THÁNG - NĂM HỌC 2024 – 2025**

(Thực hiện từ 09/9/2024 đến 23/5/2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	tuần	Thời gian
1	Bé và các bạn (7 tuần)	-Trường mầm non Diễn Lợi của bé	1	Từ 09 đến 13/9
		-Vui tết trung thu	2	Từ 16 đến 20/9
		-Lớp học của bé	3	Từ 23/9 đến 27/9
		-Bé và các bạn	4	Từ 30 đến 04/10
		-Đồ chơi của bé	5	Từ 07 đến 11/10
		-Ngày hội của bà của mẹ	6	Từ 14 đến 18/10
		-Đồ dùng của bé	7	Từ 21 đến 25/10
2	Gia đình bé (5 Tuần)	-Người thân của bé	8	Từ 28 đến 01/11
		-Đồ dùng để ăn	9	Từ 04 đến 08/11
		-Đồ dùng để uống	10	Từ 11 đến 15/11
		-Ngày hội của cô giáo	11	Từ 18 đến 22/11
		-Ngôi nhà bé ở	12	Từ 25/11 đến 29/11
3	Những con vật đáng yêu (6 Tuần)	-Con vật nuôi trong gia đình (G/ cầm)	13	Từ 02 đến 06/12
		-Con vật nuôi trong gia đình (G/ súc)	14	Từ 09 đến 13/12
		-Bé yêu chú bộ đội	15	Từ 16 đến 20/12
		-Con vật sống dưới nước	16	Từ 23 đến 27/12
		-Con vật sống trong rừng	17	Từ 30/12 đến 03/01/2025
		-Một số loài chim	18	Từ 06 đến 10/1
4	Rau, củ– bé vui đón tết (3 Tuần)	-Một số loại rau ăn lá	19	Từ 13 đến 17/01
		-Bé vui đón tết	20	Từ 20 đến 24/01
		-Một số loại rau ăn quả	21	Từ 10/2 đến 14/2
5	Những bông hoa đẹp Ngày vui 8/3 (4 Tuần)	-Một số loại cây	22	Từ 17/2 đến 21/02
		-Một số loại hoa	23	Từ 24 đến 28/2
		-Ngày vui 8/3	24	Từ 03 đến 07/03
		-Một số loại quả	25	Từ 10 đến 14/03
6	Bé có thể đi khắp nơi bằng các PTGT (5 tuần)	- PTGT đường bộ	26	Từ 17 đến 21/03
		- Tín hiệu đèn giao thông	27	Từ 24 đến 28/3
		- PTGT đường sắt	28	Từ 31/3 đến 04/4
		- PTGT đường thủy	29	Từ 07 đến 11/4
		- PTGT đường hàng không	30	Từ 21 đến 25/4
7	Mùa hè đến rồi (3 Tuần)	- Thời tiết mùa hè	31	Từ 28 đến 02/5
		- Quần áo trang phục mùa hè	32	Từ 05 đến 09/5

		- Bé và các hoạt động mùa hè	33	Từ 12 đến 17/5
8	Bé lên mẫu giáo – Bác Hồ của em (2 tuần)	- Bác Hồ kính yêu	34	Từ 19 đến 23/05
		- Bé lên mẫu giáo	35	
Tổng			35	

B. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG. TRẺ 24 – 36 THÁNG

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	<i>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> - Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. - Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. b. Chăm sóc bữa ăn - Trước khi ăn: + Cô chuẩn bị bàn ghế (cô sắp xếp) + Trẻ được ngồi vào bàn ăn + Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ.(thìa, bát, khăn lau, đĩa đựng cơm rơi - Trong khi ăn: + Trong khi cho trẻ ăn cô cần quan tâm đến đặc điểm từng trẻ như: Trẻ mới tập ăn cơm, trẻ ăn chậm, trẻ mới đi nhà trẻ, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy, cô tạo không khí thoải mái và khuyến khích trẻ ăn hết suất,	-Phụ trách dinh dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng - Giáo viên và trẻ	-

	không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn, không ép trẻ khi trẻ không muốn ăn hoặc nôn trớ +Xếp những trẻ yếu, ăn chậm và suy dinh dưỡng riêng 1 bàn để tiện chăm sóc. Thường xuyên thông tin kịp thời với phụ huynh về tình trạng trẻ biếng ăn để có biện pháp chăm sóc. + Không nên cho trẻ ăn, uống khi trẻ ho, khóc hoặc ngủ gật để tránh hóc và sặc. Khi trẻ ăn, uống không bị mũi hoặc ngáng miệng bắt trẻ nuốt - Sau khi ăn: +Trẻ biết bỏ bát thìa đúng nơi, súc miệng, lau mặt sạch sẽ		
2.Tổ chức giấc ngủ	a.Trước khi trẻ ngủ: - Cô kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không. + Giáo viên cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ cho trẻ (thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông) + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: + Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 150 phút + Khi trẻ ngủ cô bao quát trẻ, vỗ về những trẻ khó ngủ, chú ý đắp chăn, bật quạt cho trẻ ở mức độ vừa phải + Chú ý trẻ để cho trẻ dậy đi vệ sinh, nếu trẻ tè dầm giáo viên cần quan sát để thay cho trẻ kịp thời và bao quát các tình huống * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. +Cô cho trẻ ngồi bô đi vệ sinh sau khi ngủ dậy sau đó cho trẻ ăn quà chiều.	-Giáo viên	
3.Tổ chức vệ sinh	a.Vệ sinh cô: - Cô trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, cô là tấm gương cho học sinh noi theo b. Vệ sinh cá nhân trẻ +Cô chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng +Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiệnVSCN: -Cô rửa tay, lau mặt cho trẻ theo đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh. Vừa làm vừa hướng dẫn từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. b) Vệ sinh môi trường:	-Giáo viên -Giáo viên và trẻ	

	+ Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Một số đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn uống, vệ sinh tại nhóm lớp cần theo quy định: Mỗi trẻ có cốc, bát, thìa, khăn mặt riêng, đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó sấy hoặc được phơi ngoài ánh nắng. - Hằng tuần giặt khăn 1 lần bằng nước sôi muối - Bình, thùng đựng nước phải có nắp đậy, được vệ sinh hàng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không để trẻ thò tay hoặc uống trực tiếp vào bình đựng nước - Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ tránh để bụi bẩn - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại. - Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hàng tuần vệ sinh đồ chơi ít nhất 01 lần. + Vệ sinh phòng nhóm - Hằng ngày trước khi trẻ đến lớp, cô mở tất cả cửa sổ và cửa ra vào để phòng học được thông thoáng. - Quét nhà thường xuyên khi phòng nhóm bẩn và sử dụng nước lau nhà để lau sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về. - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ và khô ráo. - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi + Xử lý rác thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. + Giữ sạch nguồn nước: - Nguồn nước phải có nguồn nước sạch : nước tinh khiết đóng bình, nước máy để sử dụng ăn uống	-Giáo viên	
		-Giáo viên	
		-BGH	
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a) Chăm sóc sức khỏe + Khám sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa: - Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trạm y tế xã để sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa cho trẻ.	-Y tế phối hợp với	

	- Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không dọa nạt, quát mắng, đánh trẻ.		
--	---	--	--

**C. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 24 – 36 THÁNG.
NĂM HỌC 2024-2025**

Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. GD Dinh dưỡng - sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: *Trẻ trai: Cân nặng từ 9.9 đến 15.2 (kg) Chiều cao: Từ 80.9 đến 94.9 (cm) *Trẻ gái: Cân nặng 9.4 đến 14.5 (kg) Chiều cao: Từ 79.9 đến 93.3 (cm)	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
MT2. Thích nghi chế độ ăn cơm ăn được các loại thức ăn khác nhau, có thói quen tốt trong ăn uống - Trẻ ngủ 1 giấc trưa	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa KNS: Dạy trẻ kỹ năng biết xúc ăn
MT 3. Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. Luyện cho trẻ thói quen ngồi bô khi muốn tiểu tiện KN: Dạy trẻ biết ngồi bô đi vệ sinh
MT 4. Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống bằng cử chỉ hoặc lời nói.	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu về ăn uống, KN: Dạy trẻ biết mời cô, mời bạn trước khi ăn
MT 5. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh ...)	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Dạy trẻ cài khuy áo, + Dạy trẻ đi dép, đi tất + Dạy trẻ cởi dép, cởi tất + Chuẩn bị chỗ ngủ + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi ướt - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay lau mặt KN: Dạy trẻ biết đi dép, và cất dép lên giá - Dạy trẻ biết cài cởi khuy áo - Dạy trẻ biết lấy và cất gối trước và sau khi ngủ dậy
MT 6. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm và tránh khi được nhắc nhở.	* Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào và đến gần. (Bếp đun sôi, phích nước nóng, xô nước, ao, hồ...) KN: Dạy trẻ tránh xa xô, chậu nước

MT 7. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. (leo trèo trên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...)
b. Phát triển vận động	
MT8. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, chân, lưng/ bụng và chân.	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
MT9. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô. - Đi bước qua vật kê cao - Đi kết hợp chạy - Chạy đổi hướng - Chạy chậm theo cô - Chạy thay đổi tốc độ theo cô - Chạy theo hướng thẳng. - Đứng co 1 chân.
MT10. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt trong tung - bắt, ném, đập bóng, lăn bóng.	- Tung bóng bằng 2 tay - Tung - bắt bóng cùng cô. - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng vào đích xa 1-1,2m. - Ngồi lăn bóng - Lăn bóng vào đích - Đập bóng xuống sàn - Tung bóng qua dây
MT11. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng có vật trên lưng - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò, trườn qua cổng - Bò, trườn qua vật cản. - Bò theo đường zigzag
MT12. Trẻ biết phối hợp vận động tay – chân khi bước, nhún, bật.	- Nhún bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật qua vạch kẻ. - Bước lên xuống bậc cao 1,5 cm (5-7 bậc)
MT 13. Trẻ bước lên được 5 bậc cầu thang có vịn	- Dùng 2 tay vịn vào thành thang và từng bước đưa chân lên cầu thang. - Bước lên bậc thang có tay vịn
MT14. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tô chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây. Cài cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.

MT15. Trẻ biết phối hợp được cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay, “múa khéo” và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động.	- Xâu vòng màu xanh tặng bạn; - Xâu vòng màu đỏ tặng mẹ - Xâu vòng xen kẽ màu xanh, màu đỏ; - Xâu vòng hoa lá; - Xếp đường đến lớp.... - Xếp bàn,ghế, giường, tủ; - Xếp chuồng cho các con vật; - Xếp kệ đặt bình hoa, - Xếp bàn đặt hoa quả; - Xếp đoàn tàu; xếp ô tô; - Xếp theo ý thích...
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
MT16. Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị một số thức ăn, quả (Ngọt – mặn- chua).
MT17. Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đút cho bé ăn, tắm cho em bé, ru em bé ngủ... - Đồ dùng của bé: Quần, áo, mũ, giày, dép, khăn, tất, ... - Đồ chơi nhóm/lớp: Búp bê, PTGT, các hình khối...
MT18. Trẻ nói được tên của bản thân, tên trường và những người gần gũi khi được hỏi.	-Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. -Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. -Tên trường mầm non của bé. -Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp +Trường mầm non Diễm Thọ của bé + Bé và các bạn + Những người thân trong gia đình
MT19. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	-Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể bé: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. + Bé và cơ thể bé
MT20. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, đồ dùng trong gia đình, hoa quả, con vật quen thuộc và các PTGT	- Đồ dùng trong gia đình bé: Giường, Tủ, bàn, ghế, Tivi, tủ lạnh ... - Đồ dùng của bé: Quần, áo, mũ, giày, dép, khăn, tất, ... - Đồ chơi của bé: Cái cốc, cái ấm, cái chén; Cái thìa, cái đĩa, cái bát; Cái giường, cái tủ, cái bàn, Đèn lồng, đèn ông sao - Một số loại rau: Rau muống, rau cải, bắp cải; Su hào, cà rốt, khoai tây... - Một số loại hoa: Hoa hồng, hoa đào, hoa cúc; Hoa lay ơn, Hoa đồng tiền... - Một số loại quả: Quả cam, quả na, quả chuối; quả xoài, quả nho, quả táo; Quả đu đủ, quả hồng xiêm ..

	- Một số vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, ngan, ngỗng, chó, mèo.. - Một số con vật sống dưới nước: Tôm, cua, cá, ốc... - Một số con vật sống trong rừng: Con voi, con khỉ, con hươu; Con sư tử, con hổ, con gấu... - Một số PTGT đường bộ: Xe đạp, Xe máy, Xe ô tô con, tàu hỏa... - Phương tiện giao thông đường thủy: Tàu thủy, thuyền buồm... - Phương tiện giao thông đường không: Máy bay, tàu vũ trụ, kính khí cầu... - Tín hiệu đèn giao thông
MT21. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh, kích thước to/nhỏ, số lượng, hình dạng theo yêu cầu.	- Nhận biết, phân biệt màu đỏ, vàng, xanh - Chọn đồ chơi to-nhỏ; - Chọn đồ chơi màu xanh; - Phân biệt bát to-bát nhỏ; - Chọn quả màu đỏ; - Phân biệt đồ chơi to hơn - nhỏ hơn; - Phân biệt quả to - quả nhỏ - Nhận biết hình tròn- hình vuông. - Số lượng một - nhiều
MT22. Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.	- Xác định vị trí trước - sau, trên - dưới so với bản thân.
MT23. Trẻ biết được tên các ngày lễ, hội lớn, sự kiện văn hóa ở trường, ở địa phương.	- Ngày hội bé đến trường - Bé vui đón tết trung thu - Ngày vui 8/3 - Ngày hội cô giáo 20/11 - Bé yêu chú bộ đội - Ngày tết Nguyên Đán
MT 24. Trẻ biết được sắp lên học lớp mẫu giáo; Trẻ nhận biết được Bác Hồ.	- Bé lên Mẫu giáo - Bác Hồ của em
MT 25. Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên, thời tiết của mùa hè.	- Một số hiện tượng tự nhiên, thời tiết của mùa hè: Nắng, mưa, nóng,... - Một số trang phục phù hợp với mùa hè: Quần áo, mũ, dép...
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT26. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói kết hợp 2-3 hành động. - Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay; hát và vỗ tay,...
MT27. Trẻ biết trả lời các câu hỏi.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” - Ví dụ: con gà gáy thế nào?”

MT28.Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	*Chủ đề “ Bé và các bạn”. - Truyện: Giờ ăn; Bé Mai đi học; Bài học đầu tiên của gấu con; Em bé dũng cảm; Các bạn đang chơi; Cơ thể bé, Vệ sinh buổi sáng (Vân Nhi), Đôi bạn nhỏ (Nguyễn Thị Thảo), Chiếc Đu màu đỏ; Đôi bạn tốt (Thu Thủy)... * Chủ đề “ Gia đình bé”. - Truyện: Bé vui đón Tết, Cả nhà ăn dưa hấu; Bé Mai ở nhà; Xếp nhà cho em búp bê; Vệ sinh buổi sáng; Giúp mẹ nhặt rau; Đồ dùng gia đình; Mẹ tắm cho bé; Thỏ con không vâng lời. Thỏ Ngoan (Hoàng Oanh). Cháu chào ông ạ (Nguyễn Thị Thảo); Chú gấu con ngoan (Vân Nhi); Quả trứng (Nguyễn Duy Thái), (Nguyễn Thị Thảo)Vịt con lông vàng ... * Chủ đề “ Những con vật đáng yêu”. -Truyện: Đôi bạn nhỏ; Chó vàng; Rùa con tìm nhà; Con cáo; Bé cho gà ăn; Gà vịt giúp nhau; chuyện về đôi bạn chó mèo; Thỏ ngoan; khỉ con biết vâng lời; Con cáo(Nguyễn Thị Thảo) Thỏ ngoan (Hoàng Oanh); Chú vịt xám (Lê Thu hương), Quả trứng (Nguyễn Duy Thái), Cá Và Chim, Vì sao thỏ cụt đuôi(Đặng Lan) ... * Chủ đề “ Rau củ - Bé vui đón tết: - Truyện: Cây táo(Chế Thùy Như), Quả thị, Cây táo thần (Kim Tuyền), Mùa xuân đã về; Cả nhà đón tết. * Chủ đề “ Bé có thể đi khắp nơi bằng các PTGT”. - Truyện: Xe lu và xe ca; Vì sao thỏ cụt đuôi; Mèo nhát,Cây táo (Chế Thùy Như); Quả thị, Cây táo thần (Kim tuyền);Mùa xuân đã về. - Chuyến du lịch của gà trống choai, Câu chuyện chú xe ủi (Lương Thị Bình); - Chủ đề : Mùa hè đến rồi: Cóc gọi trời mưa, Sóc và thỏ đi tắm nắng, Mèo nhát (Nguyễn Thị Thảo); Cóc gọi trời mưa;; Sóc và thỏ đi tắm nắng; -Chủ đề : Bé lên mẫu giáo – Bác Hồ của em Bé mai ở nhà, Bé mai đi công viên (Nguyễn Thị Minh Hồng); Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên; Một ngày bé đến trường; Chào buổi sáng; Vịt và rùa đi tắm biển;...
MT29.Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Nói rõ các âm s/x; ch/tr -Nói rõ các tiếng, ví dụ: Trường mầm non, lớp măng non, nhút nhát... -Trẻ sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.

MT30. Trẻ đọc được bài thơ, đoạn thơ, ca dao, đồng dao, với sự giúp đỡ của cô giáo.

*** Chủ đề “Bé và các bạn”**

+Thơ: Đến lớp, Giờ chơi, Đi dép, Chia đồ chơi, Cô và mẹ (Trần Quốc Toàn), Bạn mới (Nguyễn Mai), Cất đồ chơi, Vườn trẻ; Bé ơi; ầm và chảo, Kéo cưa kéo kít, Chối ngoan, Tình bạn (Xuân Hoài); Miệng Xinh ; Đôi mắt của em; Đôi dép(Phạm Hồ); Bé đi nhà trẻ (Hoàng Kim Định); Mẹ và cô(Trần Quốc Toàn)

+ Đồng dao: Nu na nu nống, đi cầu đi quán

*** Chủ đề “ Gia đình bé”.**

+Thơ: Mỗi người một việc, Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương), Miệng xinh (Phạm Hồ), Cái lưỡi, Bà và cháu, Yêu mẹ; Bé chờ mong; Bé tập giúp mẹ; Giường; Cửa sổ riêng của bé; Cô giáo; Ông, bà và cháu; Bé chờ mong; mẹ và con; Dậy sớm; Con cua....

Giờ ăn (Suu tầm), Yêu mẹ(Nguyễn Bảo), Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan), Bàn tay cô giáo (Định Hải), Nụ cười của bé (Tô Thu Huyền); Dậy sớm (Phạm Hồ).

+ Đồng dao: Kéo cưa lừa xẻ.

*** Chủ đề “ Những con vật đáng yêu”.**

+ Thơ: Chú gà con; Tim ỏ; Mèo con; Em là bộ đội; Con voi ; Thỏ trắng; Chim hót, con voi, Chú gà con, Con trâu, chó và gà,Gọi nghe, Tim ỏ , Đàn bò, em là bộ đội, chim mẹ , thỏ nghe máy nói, ong và bướm. Đàn bò (Trần Thanh), Con cá vàng , Con Trâu (Suu tầm), Con cua (Trần mạnh Hào), Con voi (đồng dao); Gà gáy (Phạm Hồ); Đàn lợn con, đàn gà con (Suu tầm), Con kiến (Hồng Trang), Chim sâu (Phong Thu).

+ Đồng dao: Đi cầu đi quán

*** Chủ đề : Rau củ - Bé vui đón tết:**

+ Thơ: Mùa xuân; Hoa nở; Cây đào; Dán hoa tặng mẹ; Na; Chuối; Bắp cải xanh; Củ cà rốt; Cây táo;chăm rau; Hoa nở; Đi chợ tết; Chăm rau; Cây dây leo (Xuân Tư), Chăm rau (Suu tầm); Bắp cải xanh (Phạm Hồ); Quả Thị (Thanh Thảo); Cây đào (TRẦN Thị Ngọc Trâm); Mùa xuân (ST). Tết là bạn nhỏ (Phan trọng Bảo Viên); Rừng (Thu Hà)

+ Đồng dao: Dung dăng dung dẻ

*** Chủ đề “ Bé có thể đi khắp nơi bằng các PTGT”.**

+ Thơ: Xe đạp; Đèn xanh đèn đỏ; Bé nằm mơ, Bé và mẹ; Xe đạp, Đèn xanh đèn đỏ, Con tàu(Định hải), Đi chơi phố (Triệu Thị Lê), Tiếng còi tàu(Hồng Vi); Xe chữa cháy (Phạm Hồ)...

+ Đồng dao: Mười ngón tay ; Tập gấp giấy

- Chủ đề : Mùa hè đến rồi:

	Bóng mây (Thanh Hào), Che mưa cho bạn (Nguyễn Thị Thảo), Mưa (Lê Tâm), Trăng sáng (Trần Đăng Khoa), Đi nắng , Cầu vồng (Nhược Thủy), Chim cuốc (Phạm Hồ) -Chủ đề : Bé lên mẫu giáo – Bác Hồ của em: Bé tập bơi, bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhân); Hồ sen (Nhược Thủy), Em vẽ Bác Hồ (Thi Ngọc) Ca dao, Đồng dao: đi cầu đi quán, Nu na nu nống , Kéo cưa lừa xẻ. Chi chi chành chành.
MT31. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	-Trẻ thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc bằng 1-2 câu đơn giản và câu 5 - 7 tiếng.
MT 32. Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau : - Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân	- Sử dụng lời nói để chào hỏi, trò chuyện - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân.
MT33. Trẻ biết trò chuyện với bạn và người lớn bằng những câu đơn giản.	- Chào hỏi, trò chuyện. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
MT34. Trẻ nói to, dễ nghe, lễ phép.	-Trẻ sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Dạy trẻ chào hỏi lễ phép(Khi đến lớp; khi nhận quà; khi gặp người lớn..)
MT35. Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	-Trẻ nói được tên, tuổi và một số đặc điểm bên ngoài bản thân khi người khác hỏi
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
MT36. Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Trẻ nói được những điều mình thích và không thích như đồ dùng, đồ chơi yêu thích và đồ dùng đồ chơi trẻ thích.
MT37. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	-Tập sử dụng giao tiếp qua đồ dùng, đồ chơi và người khác bằng cử chỉ, lời nói.
MT38. Trẻ nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
MT39. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	-Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
MT40. Trẻ biết chào, tạm biệt, và nói lời cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa trong giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “Dạ”, “ Vâng ạ” * KNS: Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi
MT41. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
MT42. Biết chơi thân thiện với các bạn trong lớp	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn.

MT43. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. *KNS: Dạy trẻ không vòi vĩnh mua quà.
MT44. Trẻ biết hát và vận động một số bài hát, bản nhạc quen thuộc. Sử dụng một số dụng cụ âm nhạc khi hát.	* Chủ đề “ Trường mầm non thân yêu”. +Hát+vận động: Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường); Lời chào buổi sáng (Nguyễn Thị Nhung), Đi nhà trẻ; Biết vâng lời mẹ (Minh Khang); Đi ngủ (Hoàng Văn Yến); Bé ngoan; Đi học về (Hoàng Long- Hoàng Lâm), Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch), Búp bê (Mộng Lợi Chung)... + Nghe hát: Đi nhà trẻ; Gác trăng (Nhạc: Hoàng Văn Yến, Lời thơ: Nguyễn Tri Tâm), Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), Trường chúng cháu đây là trường Mầm non (Phạm Tuyên), Ru em (Dân ca Xê Đăng), Vui đến trường (Hồ Bắc); Tập tầm vông (Lê Hữu Lộc) + Trò chơi: Ai nhanh nhất; hát theo hình vẽ, nghe âm thanh to nhỏ, hãy bắt chước. * Chủ đề “Gia đình bé ”. +Hát+vận động: Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ); Biết vâng lời mẹ (Minh Khang); Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh), Cháu yêu bà (Xuân Giao); Đôi dép (Hoàng Kinh Định); Chiếc khăn tay (Văn Tấn); Chim mẹ chim con (Đặng Nhất Mai), Cái mũi (Lê Đức- Thu Hiền);.. + Nghe hát: Em yêu cô giáo; Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn); Bàn tay mẹ; Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), Ru con (Dân ca Nam Bộ), Ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Bố là tất cả (Thập Nhất); Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời: Tuấn Dũng) Niềm vui gia đình (Hoàng Vân); Cô và mẹ (Phạm Tuyên) + Trò chơi âm nhạc: Nghe âm thanh to- nhỏ, Nghe âm thanh của 2 nhạc cụ khác nhau... * Chủ đề “ Những con vật đáng yêu”. + Hát +vận động: Con gà trống (Tân Huyền), Một con vịt (Kim Duyên); Đàn vịt con; Chú mèo (Chu Minh); Đàn vịt con (Mộng Lâm); Cá ơi; Con chom non (Lý Trọng), Đố bạn biết (Hồng Ngọc); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Đi một hai (Đoàn Phi); Chim mẹ chim con(Đặng Nhất Mai); Một con vịt, Cá vàng bơi (Kim Duyên); Chú mèo (Chu Minh); Cá ơi; Con chim non (Lý Trọng), Đố bạn biết (Hồng Ngọc); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Đi một hai (Đoàn Phi), + Nghe hát: Chim chích bông (Nguyễn Văn Chung); Con chim hay hót (Phan Huỳnh Điểu) Com mèo ra bờ sông (Hoàng Hà); Gà trống, mèo con và cún con (Thế Vinh); Cháu thương chú bộ

	đội (Hoàng Văn Yên); Chú bộ đội (Hoàng Hà); Con chim vành khuyên (Hoàng Vân); Thật đáng chê (Theo điệu bắc Kim thang; Lời: Việt Anh); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); Ta đi vào rừng xanh, Rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích) + Trò chơi âm nhạc: Nghe âm thanh của 2 nhạc cụ; Gà gáy, vịt kêu Nghe giai điệu đoán tên bài hát; Hát theo hình vẽ; * Chủ đề “ Rau củ và những bông hoa đẹp ”. + Hát + vận động: Hái hoa (Bùi Anh Tôn); Quả (Xanh Xanh) Bắp cải xanh (Phạm Hồ), Màu hoa (Hong Đăng); Như những cánh hoa (Bùi Anh Tôn), Quà 8/3 (Hoàng Long), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Mùa xuân (Hoàng Văn Yên), Tết đến rồi; Quà 8/3 (Hoàng Long) + Nghe hát: Chúc xuân (Đinh Trung Chính); Lý cây xanh; Cây trúc xinh; Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Quả (Xanh Xanh); Con chim hót trên cành cây (Trọng Bằng); Bắp cải xanh; Vườn cây của ba (Phan Nhân), Dân ca tự chọn. - Trò chơi: Nghe âm thanh to nhỏ; nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau, Tai ai tinh; Hát theo hình vẽ; Giọng hát to, giọng hát nhỏ,... * Chủ đề “ Bé thích đi bằng phương tiện gì ”. + Hát + vận động: Lái ô tô (Đoàn Phi); Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Đèn xanh, đèn đỏ (Nhạc: Lương Vĩnh, ý thơ: Thế Hội); Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính, Lời: Tường Vân); Em tập lái ô tô; Tàu hỏa; Quà 8/3; Quà tặng mẹ; Lái ô tô; + Nghe hát: Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân); Nhớ lời cô dặn (Hong Ngọc); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yên); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường); Anh phi công ơi (Nhạc: Xuân Giao, Lời: Xuân Quỳnh). Dân ca (tự chọn) + Trò chơi âm nhạc: Tai ai tinh; Giọng hát to, giọng hát nhỏ,... + Chủ đề: Mùa hè đến rồi: - <i>Dạy hát; Vận động theo nhạc:</i> Trời nắng trời mưa (Đăng Nhất Mai); Bóng mây (Nguyễn Văn Hào); Nghe hát: Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); Tập tập vòng (Đăng Nhất Mai) - Trò chơi: Ai đoán giỏi, Tai ai tinh + Chủ đề: Bé lên mẫu giáo – Bác hồ của em. Dạy hát (vận động theo nhạc): Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn), Em đi mẫu giáo (Dương Minh Vương), Bé em tập nói (Hoàng Long) Hoa bé ngoan (Xuân Giao), Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao)
--	--

	Nghe hát : Nhớ giọng Bác Hồ, Trường chúng cháu là trường Mầm Non, Từ rừng xanh cháu về thăm quê Bác(Hoàng Long – Hoàng Lân), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điệu) - Trò chơi: Hát theo hình vẽ, Nghe âm thanh to nhỏ
MT45. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, cầm bút, đi màu, vẽ nguệch ngoạc	Chủ điểm :Bé và các bạn: + Tô màu : - Di màu - Tô màu quả bóng; - Tô màu chiếc yếm; - Tô màu cái trống lắc; - Tô màu lật đật - Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng. + Vẽ : - Vẽ các đường nét khác nhau - Vẽ các vòng tròn màu + Nặn: - Làm quen với chia đất, lăn, xoay đất - Nặn viên bi + Xé: -Tập xé giấy + Xếp: - Xếp đường đi + Xem tranh: - Xem tranh ảnh bé thích. Chủ điểm :Gia đình bé + Tô màu: - Tô màu chiếc cốc; - Tô màu đường về nhà; - Tô màu chiếc áo của mẹ + Vẽ: - Vẽ nét thẳng - Vẽ nét xiên + Nặn: - Nặn chiếc vòng + Xé: - Xé vụn giấy + Xếp: - Xếp đường đến trường - Lắp ghép mái nhà - Xếp cái nhà, xếp cái cổng Chủ điểm :Những con vật đáng yêu + Tô màu: - Tô màu con cá heo; - Tô màu con vẹt. + Vẽ: - Vẽ con giun - Vẽ thức ăn cho gà - Vẽ thức ăn cho cá

	+ Nặn: - Nặn con giun; - Nặn thức ăn cho con vật; + Xé: - Xé dải giấy + Xếp: - Xếp ao cá - Xếp chuồng thú Chủ điểm :Rau quả - Bé vui đón Tết + Tô màu: - Tô màu quả táo - Tô màu củ cà rốt - Tô màu cho bông hoa - Tô màu bánh chưng - Tô màu cho quả cam + Vẽ: - Vẽ hoa tặng cô giáo - Vẽ theo ý thích - Vẽ mưa mùa xuân - Dán lá cho cành hoa + Nặn: - Nặn quả tròn - Nặn quả dài - Nặn theo ý thích + Xé: - Xé thân cây - Dán hoa cho cành cây + Xếp: - Xếp đường đi + Xem tranh: - Xem tranh về hoa, quả, cây cỏ,... Chủ điểm :Bé có thể đi khắp nơi bằng các PTGT + Tô màu: - Tô màu ô tô - Tô màu mũ bảo hiểm - Tô màu đèn giao thông + Vẽ: - Vẽ bánh xe hình tròn + Vẽ: - Vẽ tia nắng - Vẽ các tia nắng + Nặn: - Nặn theo ý thích. + Xé: - Xé theo ý thích + Xếp: - Tháo lắp vòng - Lồng hộp
--	--

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 3-4 TUỔI.
A. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 3-4 TUỔI

NĂM HỌC 2024 – 2025
(Thực hiện từ 9/9/2024 đến 23/5/2025)

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
Trường mầm non (4 tuần)	- Trường Mầm non thân yêu	1	Từ 09 đến 13/9
	- Bé vui đón tết trung thu	2	Từ 16 đến 20/9
	- Lớp học của bé	3	Từ 23/9 đến 27/9
	- Các hoạt động ở trường mầm non	4	Từ 30 đến 04/10
Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	Từ 07 đến 11/10
	- Cơ thể bé và bạn	6	Từ 14 đến 18/10
	- Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh	7	Từ 21 đến 25/10
	- Gia đình bé	8	Từ 28 đến 01/11
Gia đình bé (4 tuần)	- Ngôi nhà thân yêu của bé	9	Từ 04 đến 08/11
	- Đồ dùng trong và nhu cầu của gia đình bé	10	Từ 11 đến 15/11
	- Cô giáo như mẹ hiền	11	Từ 18 đến 22/11
	- Bé yêu bác nông dân	12	Từ 25/11 đến 29/11
Lớn lên bé thích làm nghề gì (5 tuần)	- Bé yêu cô chú công nhân	13	Từ 02 đến 06/12
	- Nghề bác sỹ	14	Từ 09 đến 13/12
	- Bé yêu chú bộ đội	15	Từ 16 đến 20/12
	- Bé yêu cô bán hàng	16	Từ 23 đến 27/12
Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân (5 tuần)	- Một số loại cây	17	Từ 30/12 đến 03/01/2025
	- Một số loại rau – củ	18	Từ 06 đến 10/1
	- Một số loại quả	19	Từ 13 đến 17/01
	- Bé vui đón tết	20	Từ 20 đến 24/01
Những con vật đáng yêu (5 tuần)	- Một số loại hoa	21	Từ 10/2 đến 14/2
	- Con vật nuôi trong gia đình	22	Từ 17/2 đến 21/02
	- Động vật sống dưới nước	23	Từ 24 đến 28/2
	- Ngày vui 8/3	24	Từ 03 đến 07/03
Bé tìm hiểu PT và QĐGT (3 tuần)	- Động vật sống trong rừng	25	Từ 10 đến 14/03
	- Một số côn trùng và chim	26	Từ 17 đến 21/03
	- PT và QĐ GT đường bộ, đường sắt	27	Từ 24 đến 28/3
	- PT, quy định giao thông đường thủy	28	Từ 31/3 đến 04/4
Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- PT và quy định đường không	29	Từ 07 đến 11/4
	- Bé biết gì về nước	30	Từ 14 đến 18/4
	- Một số hiện tượng tự nhiên	31	Từ 21 đến 25/4
	- Mùa hè của bé	32	Từ 28/4 đến 2/5
Quê hương Đất nước - Bác Hồ (3 tuần)	- Diễn Châu quê hương em	33	Từ 5/5 đến 9/5
	- Bác Hồ kính yêu và mừng sinh nhật Bác	34	Từ 12 đến 16/5
	- Nghệ An yêu dấu	35	Từ 19 đến 23/5
Tổng		35 tuần	

B. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ 3-4 TUỔI .

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
1 Tổ chức bữa ăn	<i>a.Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> - Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. - Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. <i>* Lượng thực phẩm:</i> - Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơ.m và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết như: Đạm, bột, đường, muối khoáng . <i>* Nước uống:</i> - Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nước một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả). - Nước uống cần đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín hoặc nước tinh khiết. Mỗi trẻ có cốc riêng, có kí hiệu riêng từng trẻ. Mùa đông cần ủ nước cho ấm. - Giáo viên cho trẻ uống theo nhu cầu và chia làm nhiều lần trong ngày, hướng dẫn trẻ tự lấy cốc uống nước, uống xong úp cốc đúng nơi quy định. Không để trẻ quá	-Phụ trách dinh dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng - Giáo viên và trẻ	-

	khát mới uống hoặc uống một lần quá nhiều. Không nên cho trẻ uống nhiều nước trước bữa ăn. b. Chăm sóc bữa ăn - Trước khi ăn: + Cô chuẩn bị bàn ghế (cô sắp xếp) + Trẻ được ngồi vào bàn ăn (4-6 trẻ một nhóm) + Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ.(thìa, bát, khăn lau, đĩa đựng cơm rơi, giấy - Trong khi ăn: + Giáo viên cần vui vẻ, nói năng dịu dàng, tạo không khí thoải mái cho trẻ trong khi ăn. Động viên, khuyến khích trẻ ăn hết suất, kết hợp GD dinh dưỡng, hành vi VS văn minh trong ăn uống. + GV cần quan tâm hơn những trẻ mới đến lớp, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy. Nếu thấy trẻ ăn chậm cần tìm hiểu nguyên nhân để báo cho nhà bếp hoặc y tế hay cho bà mẹ biết để chủ động chăm sóc trẻ tốt hơn. Có biện pháp phòng tránh trẻ hóc, sặc trong khi ăn. + Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống (Không nói chuyện khi ăn, không dùng tay bốc thức ăn, hắt hơi biết lấy tay che miệng, lấy bát cơm bằng 2 tay...) - Sau khi ăn: + Trẻ biết bỏ bát thìa đúng nơi, súc miệng, lau mặt sạch sẽ .		
2. Tổ chức giấc ngủ	a.Trước khi trẻ ngủ: + Cô kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không. + Giáo viên cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ cho trẻ (thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông) + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: + Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 150 phút + Khi trẻ ngủ cô bao quát trẻ, vỗ về những trẻ khó ngủ, chú ý đắp chăn, bật quạt cho trẻ ở mức độ vừa phải + Chú ý trẻ để cho trẻ dậy đi vệ sinh, nếu trẻ tè dầm giáo viên cần quan sát để thay cho trẻ kịp thời và bao quát các tình huống * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. + Cô cho trẻ đi vệ sinh sau khi ngủ dậy sau đó cho trẻ ăn quà chiều.	Giáo viên	

3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: + Cô trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, cô là tấm gương cho học sinh noi theo b. Vệ sinh cá nhân trẻ + Cô chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng, dụng cụ đựng khăn.. + Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN: - Hướng dẫn trẻ rửa tay sát khuẩn, rửa tay bằng xà phòng và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. Với những trẻ mới đến lớp cô nên hướng dẫn tỉ mỉ từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn, khi tay và mặt khi bị bẩn theo đúng qui trình, trẻ tự đánh răng bằng bàn chải cá nhân riêng. Mùa lạnh cần chuẩn bị khăn ấm cho trẻ lau. - Trẻ thực hiện tốt quy định 5K của Bộ y tế, trẻ có đủ khẩu trang y tế, khi đến trường cất vào túi cá nhân gọn gàng b) Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Một số đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn uống, vệ sinh tại nhóm lớp cần theo quy định: Mỗi trẻ có cốc, bát, thìa, khăn mặt riêng, đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó sấy hoặc được phơi ngoài ánh nắng. - Hằng tuần giặt khăn 1 lần bằng nước sôi muối - Bình, thùng đựng nước phải có nắp đậy, được vệ sinh hàng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không để trẻ sờ tay hoặc uống trực tiếp vào bình đựng nước - Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ tránh để bụi bẩn - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại. - Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hàng tuần vệ sinh đồ chơi ít nhất 01 lần. + Vệ sinh phòng nhóm - Hằng ngày trước khi trẻ đến lớp, cô mở tất cả cửa sổ và cửa ra vào để phòng học được thông thoáng. - Quét nhà thường xuyên khi phòng nhóm bẩn và sử dụng nước lau nhà để lau sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về. - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ và khô ráo.	Giáo viên Giáo viên và trẻ -Giáo viên -Giáo viên -BGH	
---------------------------	--	---	--

	- Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi + Xử lý rác thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. + Giữ sạch nguồn nước: - Nguồn nước phải có nguồn nước sạch : nước tinh khiết đóng bình, nước máy để sử dụng ăn uống		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a) Chăm sóc sức khỏe + Khám sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa: - Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trạm y tế xã để sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa cho trẻ nhằm phát hiện sớm những căn bệnh để có biện pháp can thiệp kịp thời. + Để theo dõi phát triển thể lực của trẻ qua biểu đồ : - Vào tháng 9 và tháng 12, tháng 3 trẻ được theo dõi cân nặng và đo chiều cao vào tháng 9 và tháng 3 trên biểu đồ nhằm phát hiện những trẻ suy dinh thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì để có biện pháp phối hợp với phụ huynh trong chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp + Tiêm chủng, phòng dịch - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng. Báo cáo y tế địa phương những trường hợp bất thường để xử lý kịp thời. - Trong thời gian có dịch bệnh xảy ra nếu có nhiều trẻ bị bệnh do dịch thì giáo viên báo cáo nhà trường để mời y tế đến khám, tìm nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời để tránh lây lan. - Thực hiện nghiêm cách phòng chống dịch Covid- 19 của bộ y tế trong trường, lớp học an toàn. + Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời. - Biết cách xử lý và chăm sóc trẻ ốm tại trường. c. Bảo vệ an toàn và phòng một số bệnh thường gặp: *An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp. - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trôn	- Y tế phối hợp với trạm y tế để thực hiện	- Giáo viên phối hợp với phụ huynh

	trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Quản lý trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. * An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không dọa nạt, quát mắng, đánh trẻ.	Giáo viên phối hợp với nhà trường để thực hiện	
--	--	---	--

C. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC. TRẺ 3-4 TUỔI

NĂM HỌC 2024 - 2025

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Cân nặng: Trẻ trai: 12,7 - 21,2kg. Trẻ gái: 12,3 - 21,5kg - Chiều cao: Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm. Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm	Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng
MT2. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống và vệ sinh khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc + Nhận biết các món ăn trong ngày, và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT3. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá trứng, sữa...)	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)....
MT4. Trẻ thực hiện một số việc đơn giản với sự hỗ trợ của người lớn - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tự tháo tất, cởi quần áo, xếp dép... - Sử dụng khăn mặt, cốc uống nước đúng cách. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. *KNS:

	- Dạy trẻ gấp quần áo - Dạy trẻ tự đi tất, đi dép - Dạy trẻ kỹ năng cất đồ dùng cá nhân đúng nơi.
MT5. Trẻ biết sử dụng bát thìa, cốc đúng cách có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở	- Thể hiện bằng lời nói về ăn ngủ, vệ sinh - Có một số hành vi tốt trong ăn uống - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau..... - Không uống nước lã.
MT6. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. Dạy trẻ biết cách phòng tránh bệnh dịch ...	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu - Biết một số biểu hiện khi ốm. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người *KNS: - Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định. - Dạy trẻ cách đeo khẩu trang.
MT7. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Trẻ biết một số vật dụng, nơi nguy hiểm (Bàn là, chất dẫn điện, bếp, đang đun phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở - Không chơi những nơi nguy hiểm: ao, hồ sông, bể chứa nước, giếng, hố vôi *KNS: - Dạy trẻ phòng tránh điện giật - Dạy trẻ phòng chống đuối nước
MT8. Trẻ có thể tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ *KNS: - Kỹ năng phòng tránh bắt cóc
MT9. Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Trường hợp chảy máu, - Khi bị lạc.
Lĩnh vực phát triển vận động	
MT10. Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay lên trước ngực - Lưng bụng lườn + Cúi về phía trước - Quay sang trái sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngồi xổm đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân

MT11. Trẻ giữ thăng bằng và kiểm soát được các vận động khi đi và chạy.	- Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát - Đi trên ghế thê dục - Đi thay đổi hướng theo đường dịch dắc - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy được 10m liên tục theo hướng thẳng
MT12. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động trong tung, ném, bắt – chuyền	- Lăn bắt bóng với cô - Đập bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1tay - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m) - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang hàng dọc - Tung bóng với cô
MT13. Trẻ nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện vận động, bò, trườn, trèo, bước, bật, nhảy	+ Bò theo hướng thẳng. + Bò theo đường dích dắc + Bò chui qua cổng. + Trườn theo hướng thẳng. + Bò bằng bàn tay, bàn chân. + Trườn về phía trước + Trèo lên xuống thang. + Bước lên, xuống bậc cao 30cm ra ngoài + Bò bằng bàn tay, bàn chân. + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm.
MT14 Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Ném xa, chạy nhanh 10 m - Bật xa, ném đích ngang - Lăn bóng và đi theo bóng - Chạy nhanh 12 m, ném đích đứng.
MT15. Trẻ phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, xoay trong cổ tay, gấp đan ngón tay vào nhau trong một số hoạt động	- Thực hiện được các vận động : + Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau - Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong các hoạt động. + Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng được 8-10 khối không đồ. + Tự cài, cởi cúc * GDKNS: - Dạy trẻ cài, cởi cúc, tự tháo, tự đi giày, cởi giày dép - Dạy trẻ xếp gấp áo
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT16 . Trẻ nhận biết được một số hiện tượng tự nhiên gần gũi, quen thuộc. Hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Bé biết gì về nước - Một số hiện tượng tự nhiên - Mùa hè của bé

MT17. Trẻ biết gọi tên, đặc điểm, cấu tạo, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt (Xe máy- Ô tô- xe đạp, ...) - Một số PTGT đường thủy, đường hàng không:(tàu thuyền ca nô....)
MT18. Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- Nhận biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Kỹ năng tự bảo vệ các bộ phận trên cơ thể + Cơ thể bé và bạn + Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh + Bé tự giới thiệu về mình. + Một số loại hoa, quả. + Một số con vật quen thuộc. + Một số phương tiện giao thông.
MT19. Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. + Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi; + Pha màu nước, pha đường, muối... + Chong chóng xoay + Thổi bong bóng xà phòng + Sự kỳ diệu của cát + Sự kỳ diệu của viên sỏi... + Sự kỳ diệu của bắp cải tím...
MT20. Trẻ hiểu và thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. - Đồ dùng đồ chơi bé trai , bé gái. - Đồ dùng gia đình. - Đồ dùng, sản phẩm của một số nghề
MT21. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc, cây cối, con vật	- Hiện tượng tự nhiên - Mối quan hệ giữa cây cối với con người.
MT22. Trẻ nhận biết được đặc điểm nổi bật và lợi ích của một số loại cây, hoa, quả, con vật quen thuộc	+ Động vật nuôi trong gia đình + Động vật sống dưới nước + Động vật sống trong rừng + Côn trùng và một số loài chim + Một số loại rau, củ + Một số loại cây + Một số loại hoa + Một số loại quả
Một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT23. Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. Biết so sánh số lượng giữa 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	- Hay quan sát các chữ số, số lượng xung quanh - Đếm vệt theo khả năng, có thể đọc vệt theo khả năng các con số. - Sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - Hay đặt các câu hỏi về số lượng và chữ số - Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 2->5 + Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2 + Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3 + Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4

	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 + Nhận biết một và nhiều. - So sánh sự khác biệt về số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5. + Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 3 + Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 4 + Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5
MT24. Trẻ biết tách, gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5	- Dạy trẻ tách, gộp một nhóm đối tượng thành 2 nhóm trong phạm vi 5 và đếm + Tách, Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 2 + Tách, gộp một nhóm đối tượng thành 2 nhóm trong phạm vi 3 + Tách, Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 4 + Tách Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.
MT25. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi -Xếp xen kẽ. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.
MT26. Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- Dạy trẻ so sánh khác biệt về độ lớn của 2 đối tượng . - Dạy trẻ so sánh khác biệt về chiều cao của 2 đối tượng. - Dạy trẻ so sánh khác biệt về chiều rộng của 2 đối tượng. - Dạy trẻ so sánh khác biệt về chiều dài của 2 đối tượng.
MT27. Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: vuông, tròn, tam giác, chữ nhật.	Trẻ nhận ra các hình : Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật. + Dạy trẻ nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông- hình tròn. + Dạy trẻ nhận biết, gọi tên các hình: hình tam giác - hình chữ nhật + Sử dụng các hình học để lắp ghép.
MT28. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và thời gian	- Định hướng không gian. +Dạy trẻ phân biệt tay phải- tay trái của bản thân. + Dạy trẻ phân biệt phía trên phía dưới, trước sau của bản thân -Định hướng về thời gian. + Dạy trẻ phân biệt các buổi trong ngày.
Khám phá xã hội	
MT29. Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên tuổi, giới tính của bản thân - Bé tự giới thiệu về mình - Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh - Cơ thể bé và bạn
MT30. Trẻ nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Trẻ nói được tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Địa chỉ gia đình - Tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình - Gia đình bé - Ngôi nhà thân yêu của bé - Đồ dùng trong gia đình bé - Nhu cầu gia đình *KNS:

	- Dạy trẻ kỹ năng lễ phép khi ở nhà. - Dạy trẻ biết cảm ơn, xin lỗi
MT31. Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo: - Trường Mầm non thân yêu - Lớp học của bé - Các hoạt động ở trường mầm non *KNS: - Dạy trẻ kỹ năng, lễ phép khi đến trường
MT32. Trẻ nói tên và nói được các sản phẩm của nghề nông nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	+ Bé yêu nghề làm ruộng + Cháu yêu cô chú công nhân + Bé thích làm bác sỹ + Cháu yêu chú bộ đội. + Bé yêu cô bán hàng
MT33 Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Ngày vui hội đến trường - Bé vui đón tết trung thu. - Ngày quốc tế phụ nữ 20/10 - Vui hội cô giáo(20/11) - Ngày thành lập quân đội NDVN - Bé vui đón tết nguyên đán. - Vui hội ngày 8/3 - Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5. - Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6
MT34. Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương - Diễn Châu quê hương em - Nghệ An yêu dấu - Bác Hồ kính yêu
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT35. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu làm theo yêu cầu đơn giản.
MT36. Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi Quần áo, đồ chơi, hoa , quả.....	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
MT37. Trẻ lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại, - Trẻ nói rõ tiếng	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai?, cái gì? ở đâu? Khi nào? - Phát âm tiếng việt - Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT38. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân Trẻ sử dụng câu đơn câu ghép	- Kể lại sự việc - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng
MT39. Trẻ đọc thuộc, hiểu nội dung bài thơ, thích nghe và đọc bài đồng dao, ca dao, tục ngữ.	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi - Đọc thơ, ca dao, đồng dao của độ tuổi và hiểu nội dung Chủ điểm: Trường Mầm non: Thơ: Cô giáo của con (Hà Quang); Cô dạy (Phạm Hồ); Bạn mới (Nguyệt Mai), Bé không khóc nữa (Vũ Thị

	Minh Tâm), Trăng sáng (Nhược Thủy & Phương Hoa), Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn).Bé yêu trắng(Lê Bình), Bạn của bé(Vương Trọng); Giờ Ngủ (Lương Bình sưu tầm); Chơi bán hàng(Nguyễn Văn Thắng) + Đồng dao: - Tay đẹp - Con công hay múa Chủ điểm: Bản thân: Thơ: Miệng xinh(Phạm Hồ); Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương);Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Tay ngoan(Võ Thị Như Chơn), Bạn của bé(Vương Trọng), Gấu qua cầu(Nhược Thủy)Cô dạy(Phạm Hồ) -Đồng dao: - Rềnh rềnh ràng ràng - Nu na nu nống Chủ điểm: Gia đình- Ngày hội cô giáo: Thơ: Thăm nhà bà (Như Mao); Bé tập làm nội trợ(Nguyễn Thị Ngọc Hoàn), Chia bánh(Trương Hữu Lợi), Chiếc quạt nan (Xuân Cầu); Bé ngoan (Huỳnh Thị Cúc), Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn) Lấy tằm cho bà(Trịnh Hải) + Đồng dao: -Rềnh rềnh ràng ràng Chủ điểm: Lớn lên bé thích làm nghề gì: Thơ: Làm nghề như bố (Thu Quỳnh); Em làm thợ xây(Hoàng Dân); Các cô thợ (Thi Ngọc); Chiếc cầu mới(Hoàng Long)Bé làm bao nhiêu nghề(Yên Thao); Làm bác sỹ(Lê Ngân) + Đồng dao: -Rồng rắn lên mây Chủ điểm: Những con vật đáng yêu Thơ : Mười quả trứng tròn(Phạm Hồ),Đàn gà con (Phạm Hồ), Rong và cá (Phạm Hồ), Kê cho bé nghe, Ong và bướm.Chim chích bông(Nguyễn Viết Tình) + Đồng dao: - Đi cầu đi quán Chủ điểm: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân: Thơ:) Bác bầu bác bí (Nguyễn Châu), Cây đào, Cây dây leo(Xuân Tửu), Hoa bướm (Nguyễn Đình Kiên) Bắp cải xanh(Phạm Hồ) ; Cây thực được(Ngô Quân Miễn) + Đồng dao: - Chồng nụ chồng hoa Chủ điểm: Bé tìm hiểu PT và QĐGT : Thơ: Bé và mẹ(Lương Thị Xiêm),Xe chữa cháy(Phạm Hồ), Đèn giao thông(Định Hải), Bé tập đi xe đạp (Cao Thúy Hưng); Giúp bà(Nguyễn Đức) + Đồng dao: -Chi chi chành chành Chủ điểm: Nước và một số HTTN:
--	--

	Thơ: Trăng của bé (Phạm Đình Ân),, Cầu vồng (Nhược Thủy), Mưa rơi(Trương Thị Minh Huệ), Trưa hè(Suu tầm)Trăng Sáng (Nhược Thủy); Ông mặt trời (Bích Hiền), Tiết kiệm nước (Thu Thủy), Bé giữ vệ sinh môi trường (Minh Châu), Nước (Vương Trọng) + Đồng dao: - Trời mưa cho mỗi bò vào Chủ điểm: Quê hương Đất nước - Bác Hồ Thơ: Ngôi nhà (Tô Hà), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền Nam (Suu tầm), Ao làng (Nguyễn Thị Thanh),; Ai dậy sớm (Võ Quảng); Vườn em (Trần Đăng Khoa); Quê em (Trần Đăng Khoa); + Đồng dao: -Kéo cưa lừa xẻ * Ca dao: Con gà cục tác lá chanh.
MT40. Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn . Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong chuyện	- Kể lại 1 vài tình tiết của chuyện đã được nghe - Nghe hiểu nội dung chuyện kể, chuyện đọc phù hợp với độ tuổi: Chủ điểm: Trường Mầm non. Truyện: Có một bầy hươu(Vũ Hùng), Mèo hoa đi học(Bạch Hương Lan)Vì sao bé Huy nín khóc (Phương Dung); Đôi bạn tốt(Thu Thủy); Món quà của cô giáo (Tú Anh); ; Ba Ba người bạn, Gà tơ đi học. Gấu đen và hai chú thỏ.Món quà đặc biệt (Thanh Bình); Chủ điểm: Bản thân: Truyện: Gấu con bị sâu răng (Tạ Thị Liên); Cậu bé mũi dài (Lê Thị Thu Hương & Lê Thị Đức); Cái mồm(Ngụ ngôn) Chủ điểm: Gia đình- Ngày hội cô giáo. Truyện: Chú vịt xám, Cháu ngoan, Cô bé quàng khăn đỏ, Quà tặng mẹ (Thu Hằng); Chủ điểm: Lớn lên bé thích làm nghề gì Truyện: Cây rau của thỏ út, tiệm cắt tóc của thỏ con, Chim thợ may.Sự tích quả dưa hấu (Cổ tích) Chủ điểm: Những con vật đáng yêu Truyện: Bác gấu đen và hai chú thỏ(Dương Đình Hy), Giọng hát chim Sơn Ca(Thu Thủy), Cóc kiện trời(Theo truyện thần thoại Việt Nam, Rùa con tìm nhà(Thanh Mai), Ba chú lợn nhỏ (Phạm Thị Sửu kể); Cô bác sỹ tí hon (Thu Hồng); Lợn và cừu ;Chú vịt xám; Rùa và thỏ; Chó Thỏ tinh khôn; Voi con buồn nhảm (Phong Thu) Chủ điểm: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân: Truyện: Nhỏ củ cải(Truyện cổ nga , Chú đỗ con (Viết Linh), Hoa mào gà (Thùy Dương), Sự tích hạt thóc, Sự tích bánh chưng bánh giầy(Truyện cổ Việt Nam), Chú đỗ con (Viết linh), Cỏ và lúa (Nguyễn Văn Chương) Hạt đỗ sót(Nguyễn Thị Thu) Chủ điểm: Bé tìm hiểu PT và QĐGT

	Truyện: Xe lu và xe ca (Phong Thu), Ô tô con học bài(Sru tầm) Kiến con đi ô tô (Mai Chi ST); Kiến thi an toàn giao thông. Chuyến du lịch của gà trống choai(Lương Thị Bình) Chủ điểm: Nước và một số HTTN Truyện: Giọt nước tí xíu(Nguyễn Linh), Đám mây đen xấu xí (Nguyễn Văn Thắng), Cóc kiện trời (Thần thoại Việt nam); Câu chuyện về giọt nước(Tuyết Lê) Chủ điểm: Quê hương Đất nước - Bác Hồ Truyện: Sự tích hồ gươm(Tô Hoài), Ai ngoan sẽ được thưởng(Thanh Tú), Khen các cháu; Truyền thuyết “Vua Hùng dạy dân cấy lúa”....
MT41. Trẻ biết sử dụng các từ. “ Vâng ạ”. “ Dạ”. “ Thưa”....trong giao thiệp	- Sử dụng các từ biểu thị lễ phép. Nói rõ ý, rõ ràng, dễ hiểu. *KNS; + Dạy trẻ biết xin lỗi, cảm ơn.
MT42. Trẻ có thể đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự mở sách xem tranh	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc”truyện - giữ gìn sách
MT43. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật theo tranh, thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Như nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông. Đường cho người đi bộ
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT44. Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên , cuộc sống và nghệ thuật.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm các bài hát, bản nhạc gần gũi và nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT45. Trẻ chú ý nghe, tỏ thích thú nghe nhạc, nghe hát, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư..) theo bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Chủ điểm: Trường mầm non - Nghe hát: Cô giáo (Nhạc Đỗ Mạnh Thường, thơ: Nguyễn Hữu Tưởng);Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên); Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiệp), Cô giáo miền xuôi(Mộng Lân), Chủ điểm: Bản thân Nghe hát: Bàn tay mẹ (Nhạc Bùi Đình Thảo, Thật đáng chê (Theo điệu “Bắc Kim Thang, Lời Việt Anh); Em là bông hồng nhỏ(Trịnh Công Sơn) Ru con(Dân ca xê đăng), Cho con(Nhạc Phạm Trọng Cầu, lời thơ: Tuấn Dũng), Chủ điểm: Gia đình bé - Nghe hát: Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc Phạm Tuyên – Thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ); Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Cô giáo (Nhạc: Đỗ Minh Thường; Ru con(Dân ca nam bộ), Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Bố là tất cả(Thập Nhất Chỉ có một trên đời(Nhạc Trương Quang Lục, ý thơ: Liên Xô)... Chủ điểm: Lớn lên bé thích làm nghề gì

	- Nghe hát: Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến) Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa); Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu) Xe chỉ luôn kim (Dân ca quan họ bắc ninh) , Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường, lời thơ: Nguyễn Hữu Tường), Màu áo chú bộ đội(Nguyễn Văn Tý) ; Dân ca tự chọn, ước mơ xanh; Bé quét nhà(Hà Đức Hậu)... Chủ điểm: Những con vật đáng yêu. - Nghe hát: Bắc kim thang (Dân ca Nam Bộ); Rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích), Con chim vành khuyên (Hoang Vân); Gà gáy le te; Đố bạn (Hồng Ngọc), Chú voi con ở bản đôn(Phạm Tuyên), Chú ếch con (Phạm Tuyên), Chủ điểm: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân. - Nghe hát: Cây trúc xinh (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Lý cây bông (Dân ca Nam Bộ), Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện), Ninh), Mùa xuân cô nuôi dạy trẻ, Dân ca địa phương, dân ca tự chọn. Hoa trong vườn (Dân ca thanh hóa), Trồng cây nhớ người (Dân ca Nghệ An),dân ca tự chọn... Chủ điểm: Bé tìm hiểu PT và QĐGT. - Nghe hát : Đường và chân(.....) Dân ca tự chọn; Nhớ lời cô dặn (Hồng Ngọc); Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, lời thơ: Xuân Quỳnh); Đèn xanh đèn đỏ (Lương Vĩnh), Em đi chơi thuyền(Trần Kiết Tường), Chủ điểm: Nước và các hiện tượng tự nhiên. - Nghe hát: Mưa rơi (Dân ca Xá), Ánh trăng hòa bình (Nhạc Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Tôi là gió(Trịnh Tuấn Khanh), Đêm sao(Văn Chung), Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích) Dân ca tự chọn Chủ điểm: Quê hương Đất nước - Bác Hồ - Nghe hát: Em mơ gặp Bác Hồ (Phạm Tuyên) , Em như chim câu trắng (Trần Ngọc); Từ rừng xanh cháu về thăm Bác, Dân ca tự chọn.
MT46. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc; biết vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa... - Trẻ thích được tham gia các trò chơi âm nhạc	- Hát đúng giai điệu lời ca tiếng hát - Sử dụng các dụng cụ theo phách nhịp Chủ điểm: Trường mầm non - Dạy hát, vận động : Trường cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên); Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn); Ánh trăng hòa bình, Cô và mẹ, Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến), Vui đến trường (Hồ Bắc). Chủ đề: Bản thân - Dạy hát, vận động : Mừng sinh nhật (Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Xòe bàn tay nắm ngón tay (Minh Quân); Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo), Bạn ở đâu(Thu Hiền); Tìm bạn thân(Việt Anh) Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch), nào chúng ta cùng tập thể dục (Thu Hiền sưu tầm); Chơi ngón tay (

Nhạc Hàn quốc); Tập rửa tay (Hồng Đăng), Khám tay (Đào Việt Hưng)

Chủ điểm: Gia đình bé.

- **Dạy hát, vận động:** Biết vâng lời mẹ (Minh Khang), Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Chiếc khăn tay (Văn Tấn) Đi học về (Hoàng Long – Hoàng Lâm); Lời chào buổi sáng (Nguyễn Thị Nhung) Mẹ yêu không nào(Lê Xuân Thọ); Cả tuần đều ngoan (Phạm Tuyên) Cháu yêu bà(Xuân Giao); Nhà của tôi (Thu Hiền)

Chủ điểm: Lớn lên bé thích làm nghề gì

- **Dạy hát, vận động:** Làm chú bộ đội (Hoàng Long), Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý), Đội kèn tỷ hơn (Phan Huỳnh Điểu), Đi một hai (Đoàn Phi), Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến), Đội kèn tí hơn (Phan Huỳnh Điểu), Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu)

Chủ điểm: Những con vật đáng yêu

- Dạy hát; Vận động: Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu) ; Đàn vịt con (Mộng Lâm), Gà trống mèo con cún con (Thế Vinh); Voi làm xiếc (Nhạc Anh, lời viết: Phan Hiền); Cá vàng bơi (Nguyễn Hà Hải); Một con vịt(Kim Duyên) Con Gà trống (Tân Huyền)

Chủ điểm: Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân.

- Dạy hát: Vận động: Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ), Cây bắp cải (Nhạc Thu Hồng, lời Phạm Hồ), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Cô và mẹ (Phạm Tuyên), Quả (Xanh Xanh); Bầu và bí (Phạm Phương Lan) Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến) , Thật là hay (Hoàng Lâm),

Chủ điểm: Bé tìm hiểu PT và QĐGT

- Dạy hát, Vận động: Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính, lời thơ: Tường Vân), Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến), Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lâm); Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến)

Chủ điểm: Nước và các hiện tượng tự nhiên.

- Dạy hát; vận động : Trời nắng trời mưa (Đặng Nhật Mai), Đếm phao, Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Cháu vẽ ông mặt trời (Lợi Huyền); Nắng sớm(.....)

Chủ điểm: Quê hương Đất nước - Bác Hồ

- Dạy hát, vận động: Hòa bình cho bé (Huy Trân), Đi thăm thủ đô (Bùi Anh Tôn), Đêm pháo hoa(Phạm tuyên), Xòe hoa(Dân cá Thái, Lời Phan Duy), Bé em tập nói(Hoàng Long).

TC: + Trò chơi:

- Ai nhanh nhất, Bạn ở đâu, Tai ai tinh.
-Ai nhanh nhất, Bạn ở đâu, Tai ai tinh, Hát theo hình vẽ, Ai đoán giỏi, Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Vận động mô phỏng hành động thao tác của một số nghề, Gà gáy-vịt kêu, Con gì kêu thế, Bắt chước tạo dáng, Bay cao bay thấp, Tiếng hạt gì?...Đèn xanh, đèn đỏ, Mưa to mưa nhỏ, Trò chơi son – mi, Rung chuông vàng, Giọng hát to- giọng hát nhỏ...

MT47. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	Biểu diễn cuối chủ đề Vui văn nghệ cuối tuần
MT48. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp (về màu sắc, hình dạng....) của các tác phẩm tạo hình	- Nhận xét sản phẩm tạo hình - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
MT49. Trẻ biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	Sử dụng các NVL tạo hình để tạo ra sản phẩm Chủ điểm: Bản thân: - Nặn bánh hình tròn Chủ điểm: Gia đình: - Nặn một số đồ dùng trong gia đình Chủ điểm: Ngành nghề: - Nặn một số dụng cụ nghề xây dựng Chủ điểm: Động vật: - Nặn con gà con
MT50. Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý: Tô màu, vẽ, Nặn, cắt, xé dán, làm quạ...
MT51. Trẻ biết tô, vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh đơn giản; biết sử dụng một số kỹ năng: xé, dán trong hoạt động tạo hình tạo thành sản phẩm đơn giản	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản - Trẻ biết vẽ từ trái qua phải Chủ điểm: Trường Mầm non. +Tô vẽ nguệch ngoạc. + Tô màu đu quay +Tô màu bóng bay + Tô màu chiếc đèn lồng Chủ điểm: Bản thân. +Tô màu mũ bé trai, mũ bé gái +Trang trí khăn mùi soa Chủ điểm: Gia đình. +Tô màu bức tranh gia đình +Tô màu ngôi nhà của bé Chủ điểm: Ngành nghề. +Tô màu một số sản phẩm nghề nông +Vẽ những cuộn len màu +Vẽ, làm bưu thiếp tặng chú bộ đội Chủ điểm: Động vật. +Vẽ, tô màu con gà con +Tô màu con hươu cao cổ +Vẽ, tô màu bình hoa Chủ điểm: Thực vật – Tết và mùa xuân. +Xé dán quả +Vẽ những bông hoa bằng bàn tay Chủ điểm: Giao thông. +Vẽ và tô màu ô tô +Vẽ và tô màu xe máy +Tô màu khinh khí cầu Chủ điểm: Nước và HTTN. +Vẽ mưa, vẽ cây, cỏ Chủ điểm: Quê hương – Đất nước – Bác Hồ.

	+Tô màu dây cờ - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình tạo ra sản phẩm đơn gian Chủ điểm: Trường Mầm non. +Dán bập bênh Chủ điểm: Ngành nghề. +Dán cái thang Chủ điểm: Gia đình. +Dán chiếc cốc Chủ điểm: Động vật. +Cắt dán con cá +Làm quà tặng mẹ 8/3 Chủ điểm: Nước và HTTN. +Xé, dán tia nắng mặt trời Chủ điểm: Quê hương – Đất nước – Bác Hồ. +Xé dán đuôi điều
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT52. Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được	+ Tên tuổi, giới tính của bản thân. + Nói được điều bé thích, không thích.
MT53 . Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. biết chào hỏi, nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	+ Tự tin khi tham gia vào hoạt động và trả lời câu hỏi
MT54 . Trẻ cố gắng thực hiện công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi, chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	+ Thực hiện công việc được người lớn giao như trực nhật: chia giấy vẽ, cắt dọn đồ dùng, đồ chơi.. +Tiết kiệm điện, nước.
MT55. Trẻ nhận ra cảm xúc và biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. +Trẻ biểu lộ trạng thái qua mình qua gương mặt, giọng điệu, cử chỉ khi vui, buồn, tức giận, sợ hãi...thi tham gia các hoạt động
MT56. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	+ Bác Hồ Kính yêu + Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
MT57. Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử...của đất nước.
MT58. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	+ Một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn... + Ở gia đình : Yêu mến Ông Bà, Bố Mẹ, Anh, Chị, Em vâng lời ông bà, bố mẹ, mời trước khi ăn, xin phép trước khi đi và chào hỏi khi về.... + Đi bộ đi bên phải đường, đi bên lề đường, ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm..
MT59. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. Chú ý nghe cô, bạn nói.	+ Cử chỉ, thái độ, lời nói lễ phép: mắc lỗi biết xin lỗi , nhận quà hay được giúp đỡ biết cảm ơn, có khách vào thì chào hỏi...

MT60. Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói	+ Trẻ chú ý lắng nghe khi cô hướng dẫn, giảng bài, và lắng nghe bạn nói
MT61 . Trẻ biết chơi hòa thuận cùng với các bạn trong nhóm và biết chờ đến lượt khi đã được phân công.	+ Chờ đến lượt + Chơi hòa thuận với bạn.
MT62 . Trẻ biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	+Trẻ biết yêu quý người thân:Bố, mẹ, anh, chị em ruột của mình. Biết thể hiện tình cảm gần gũi yêu thương với người thân
MT63. Trẻ nhận biết hành vi đúng hoặc sai, tốt xấu của con người đối với môi trường	+ Trẻ biết được hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu” của con người đối với môi trường
MT64. Trẻ biết tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt và giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	+Trẻ biết sử dụng vừa và tắt nước, quạt khi không sử dụng + Biết giữ gìn vệ sinh môi trường,thích quan sát cảnh vật thiên nhiên + Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối. *KNS: -Dạy trẻ chăm sóc vườn rau
MT65. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	-Trẻ biết bỏ rác vào các thùng rác, không vứt bừa bãi *KNS: +Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC 4-5 TUỔI.
A. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI NĂM HỌC 2024 – 2025
(Thực hiện từ 09/9/2024 đến 23/5/2025)

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian
Trường mầm non (4 tuần)	- Trường mầm non thân yêu	1	Từ 09 đến 13/9
	- Bé vui tết trung thu	2	Từ 16 đến 20/9
	- Lớp học của bé	3	Từ 23/9 đến 27/9
	- Các hoạt động ở trường mầm non	4	Từ 30/9 đến 04/10
Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	Từ 07 đến 11/10
	- Cơ thể bé và bạn	6	Từ 14 đến 18/10
Gia đình bé (5 tuần)	- Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh	7	Từ 21 đến 25/10
	- Gia đình bé yêu	8	Từ 28/10 đến 01/11
	- Ngôi nhà thân yêu của bé	9	Từ 04 đến 08/11
	- Đồ dùng trong gia đình bé	10	Từ 11 đến 15/11
Các nghề bé yêu (4 tuần)	- Cô giáo như mẹ hiền	11	Từ 18 đến 22/11
	- Nhu cầu gia đình	12	Từ 25/11 đến 29/11
	- Bé yêu bác nông dân	13	Từ 02/12 đến 06/12
	- Bé yêu cô chú công nhân	14	Từ 09 đến 13/12
	- Bé yêu chú bộ đội	15	Từ 16 đến 20/12
	- Nghề bác sỹ	16	Từ 23 đến 27/12
Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân (5 tuần)	- Một số loại rau – củ	17	Từ 30/12 đến 03/1/2024
	- Một số loại quả	18	Từ 06 đến 10/1
	- Một số loại hoa	19	Từ 13 đến 17/01
	- Bé vui đón tết	20	Từ 20 đến 24/01
Những con vật đáng yêu (5 tuần)	- Mùa xuân, một số loại cây	21	Từ 10 đến 14/02
	- Con vật nuôi trong gia đình	22	Từ 17/2 đến 21/02
	- Con vật sống dưới nước	23	Từ 24 đến 28/02
	- Một số con vật sống trong rừng	24	Từ 03 đến 07/03
	- Ngày vui 8/3	25	Từ 10 đến 14/03
	- Côn trùng và một số loại chim	26	Từ 17 đến 21/03
Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT (3 tuần)	- Phương tiện và quy định GT đường bộ	27	Từ 24 đến 28/3
	- đường sắt		
	- Thực hành một số quy định giao thông	28	Từ 31/03 đến 04/4
Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Phương tiện và QĐ GT đường thủy, đường không	29	Từ 07 đến 11/4
	- Bé biết gì về nước	30	Từ 14 đến 18/4
	- Một số hiện tượng tự nhiên	31	Từ 21 đến 25/4
Quê hương Đất nước - Bác Hồ	- Mùa hè của bé	32	Từ 28 đến 02/5
	- Diễn Châu quê hương em	33	Từ 5 đến 09/5
	- Bác Hồ kính yêu !	34	Từ 12 đến 16/05

(3 tuần)	- Nghệ An yêu dấu	35	Từ 19 đến 23/05
Tổng		35 tuần	

B. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ 4-5 TUỔI

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
1 Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. * Lượng thực phẩm: - Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần * Nước uống: - Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nước một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả). b. Chăm sóc bữa ăn * Trước khi ăn. - Cô chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh và hướng dẫn trẻ vệ sinh sạch sẽ, rửa tay sát khuẩn trước khi ngồi vào bàn ăn. * Trong khi ăn. - Giáo viên cần tạo không khí thoải mái cho trẻ trong khi ăn. - GV cần quan tâm hơn những trẻ mới đến lớp, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy - Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống * Sau khi ăn: - Hướng dẫn trẻ đồ dùng đúng vào nơi quy định, - Giáo viên lau sàn nhà khô ráo sạch sẽ, sát khuẩn sàn nhà sau khi ăn xong.	-CBQL chỉ đạo thực hiện. -GV phối hợp phụ huynh thực hiện	
2.Tổ chức giấc ngủ	* Chuẩn bị trước khi trẻ ngủ: - Giáo viên chuẩn bị đầy các đồ dùng, tâm thế cho trẻ để chuẩn bị tốt cho giấc ngủ của trẻ. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ:	-CBQL chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc -Giáo viên thực hiện	

	- Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 140p- 150 phút - Khi trẻ ngủ: giáo viên phải thường xuyên có mặt để theo dõi trẻ ngủ; giáo viên quan sát, phát hiện kịp thời và xử lý các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. - Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức .Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều.		
3. Tổ chức vệ sinh	1.Vệ sinh cá nhân cô: - Cô giáo phải thường xuyên vệ sinh cá nhân sạch sẽ * Vệ sinh thân thể: - Giáo viên luôn giữ gìn VS thân thể - Quần áo gọn gàng, sạch sẽ. - Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ - Thực hiện tốt quy định về phòng chống dịch bệnh, 2. Vệ sinh cá nhân trẻ 2.1. Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Cô giáo chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho trẻ 2.2. Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN, phòng tránh dịch bệnh - Giáo viên hướng dẫn trẻ một số công việc tự chăm sóc sức khỏe cá nhân và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. 3. Vệ sinh môi trường: * Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp giáo viên phải rửa sạch, khử khuẩn các loại đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn an toàn và phơi khô ráo - Các đồ dùng phải xếp đặt ngăn nắp - Có lịch VS đồ dùng hằng tuần * Vệ sinh phòng nhóm - Giáo viên phải VS phòng nhóm thường xuyên sạch sẽ, phòng kho ngăn nắp, đồ chơi xếp đặt gọn gàng. - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi khai. * Xử lý rác, nước thải - Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. Phân loại rác theo chất liệu - Thường xuyên khơi thông cống rãnh để thông nguồn nước thải, không để ứ đọng nước thải sau khi rửa xong, xử lý nước thải bằng vôi và các chất xử lý, không để gây mùi hôi của nước thải, mất vệ sinh. * Giữ sạch nguồn nước - Nguồn nước cho trẻ ăn uống phải đảm bảo đúng quy chuẩn; nước không bị ô nhiễm bằng các tạp chất.	- Giáo viên	

	- Cung cấp đủ nước sạch để nấu và sinh hoạt hằng ngày - Dụng cụ chứa nước đảm bảo sạch sẽ		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	1. Chăm sóc sức khỏe trẻ: * Khám sức khỏe định kì: - Nhà trường kết hợp Trạm y tế xã để kiểm tra sức khỏe cho trẻ (Tháng 9, tháng 3), phát hiện xem những trẻ nào mắc các bệnh thông thường. - Nhân viên y tế nhà trường thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ em, kịp thời phát hiện bệnh tật của trẻ để phối hợp với gia đình có hướng xử lý, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo qui định. * Khám điều trị chuyên khoa: - Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trung tâm y tế huyện, bác sỹ chuyên khoa để khám cho trẻ ít nhất 1 lần trong năm * Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ - Giáo viên tổ chức cân cho trẻ và ghi vào biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần (15/9; 15/12; 15/3); đo chiều cao 6 tháng 1 lần (15/9 và 15/ 3). Đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi hàng tháng, 2. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: * Phòng tránh dịch bệnh: - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ phương án phòng chống dịch, nhắc trẻ thường xuyên vệ sinh sạch sẽ để phòng một số dịch bệnh - Tuyên truyền tốt với phụ huynh để đảm bảo phòng tránh dịch bệnh, tiêm phòng đầy đủ cho trẻ có lối sống khoa học. * Phát hiện và chăm sóc trẻ ốm: - Thường xuyên quan sát trẻ phát hiện những biểu hiện của trẻ ốm, trao đổi với phụ huynh và nhân viên y tế để chăm sóc trẻ * Phát hiện và xử lý ban đầu của một số bệnh thường gặp: - Giáo viên tuyên truyền về bệnh thường gặp theo mùa cho phụ huynh nắm bắt và đảm bảo sức khỏe cho trẻ. - Nhà trường có tủ thuốc và có đủ các loại thuốc thông dụng, có dán nhãn mác và hạn sử dụng của các loại thuốc. Tủ thuốc phải khóa cẩn thận, sạch sẽ, không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không tự tiện cho trẻ uống các loại kháng sinh, các loại thuốc khác khi không có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. 3. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. * An toàn thể lực: - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lí, tu sửa kịp thời, không để trẻ bị thương tích.	Bác sĩ trạm y tế Nhân viên y tế ; Giáo viên Giáo viên; Phụ huynh Nhân viên y tế, giáo viên, phụ huynh Giáo viên	

	- Quản lí trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường. * An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm .Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVN đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ.		
--	---	--	--

**C. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI.
NĂM HỌC 2024- 2025**

Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực Phát triển thể chất	
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Trẻ trai : + Cân nặng từ 14.4 - 23.5 kg + Chiều cao từ 100.7 - 119.1cm Trẻ gái : + Cân nặng từ 13.8 - 23.2 kg + Chiều cao từ 99.5 – 117.2 cm	- Chăm sóc nuôi dưỡng: - Rèn luyện 1 số thói quen tốt trong ăn, uống, ngủ và vệ sinh cá nhân. - Rèn các hành vi văn minh trong ăn uống và sinh hoạt hàng ngày - Rèn luyện kỹ năng tự phục vụ giữ gìn sức khỏe
MT2. Trẻ biết một số loại thực phẩm: Nhóm thực phẩm có nhiều chất đạm và nhóm thực phẩm có nhiều chất vitamin, nhóm thực phẩm có nhiều tinh bột và nhóm thực phẩm có nhiều chất béo, biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất DD.	- Lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)....
MT3. Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở (tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng...)	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi đồ thức ăn.
MT4. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, sử dụng đồ dùng ăn uống lịch sự - Trong khi ăn không nói chuyện không nhai nhồm nhồm, - Không uống nước lã.
MT5 Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh, đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết che miệng khi hắt hơi, biết tự phục vụ	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản - Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp - Dạy trẻ rửa tay đúng cách - Hướng dẫn trẻ sử dụng đúng đồ dùng cá nhân: cốc, gói - Dạy trẻ kỹ năng giữ gìn vệ sinh chân tay sạch sẽ. - Rèn cho trẻ cách cất dép gọn gàng.

MT6. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp (chạy, ngã chảy máu...)...	- Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh điện giật - Dạy trẻ kỹ năng tránh những đồ vật nguy hiểm - Dạy trẻ kỹ năng giúp đỡ người khác: đỡ bạn khi bạn bị ngã, gọi người lớn khi bạn gặp tình huống nguy hiểm. - Dạy trẻ kỹ năng không nhận quà và đi theo người lạ. - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ em. - Dạy trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh động vật nuôi cắn. - Dạy trẻ kỹ năng nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm: Hồ công trình, bếp lửa,... - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh hỏa hoạn. - Dạy trẻ quy tắc 5 ngón tay. - Dạy trẻ kỹ năng phòng chống xâm hại - Dạy trẻ kỹ năng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông. Yêu cầu người lớn thực hiện an toàn giao thông, xếp xe đúng quy định...
<i>Phát triển vận động</i>	
MT7. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
MT8. Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động, trẻ kiểm soát được vận động: đi, chạy, bật, nhảy	- Đi liên tục trên ghế TD, - Đi trên vạch thẳng kẻ sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, zích zắc (đổi hướng) theo vật chuẩn - Chạy chậm 60-80m - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật-nhảy từ trên cao xuống(cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm - Nhảy lò cò 3m
MT9. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Chuyển, tung, ném, đập, bắt bóng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ

	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích ngang (2m) - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT10. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động bò, trườn, trèo	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng - Bò chui qua ống dài 1, 2m x 0, 6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1, 5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang.
MT11. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Bật xa, ném xa bằng 1 tay - Ném đích ngang, chạy nhanh 12 m - Ném xa, chạy chậm
MT12. Trẻ biết phối hợp được cử động được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động:	- Xoay cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau. - Vo xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Cắt thành thạo theo đường thẳng, vẽ hình người ..., biết tể sợi đôi...
Lĩnh vực Phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT13. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Phương tiện và quy định giao thông đường bộ đường sắt - PT và quy định giao thông đường thủy đường không - Một số loại rau - Một số loại cây - Một số loại quả - Con vật nuôi trong gia đình - Con vật sống dưới nước - Con vật sống trong rừng - Côn trùng và một số loại chim - Một số loại quả - Trải nghiệm pha nước chanh, đường
MT14. Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể,	- Khám phá các giác quan: Khám phá cái mũi, khám phá các bộ phận khác của cơ thể.
MT15. Trẻ nhận biết một số đặc điểm về hiện tượng tự nhiên (hiện tượng thời tiết, sự khác nhau về ngày và đêm, đặc điểm tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người và cây cối, con vật.	- Một số hiện tượng tự nhiên - Quan sát thời tiết. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Đặc điểm, tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người và cây cối. - Vật chìm vật nổi - Trải nghiệm về cây
MT16. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán như pha màu thử nghiệm

	vật chìm, nổi, chất tan, chất không tan, nước bốc hơi....
MT17. Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:	- Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
MT18. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản (vd: làm cho ván dốc hơn để ô tô chạy nhanh,...)	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
MT19. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng, ích lợi của các con vật, cây cối, hoa quả, rau, PTGT; trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Đặc điểm công dụng của một số PTGT - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 -3 đồ dùng đồ chơi, - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT20. Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Hoạt động chơi đóng vai - Thể hiện trong các bài hát, trò chơi âm nhạc sản phẩm tạo hình.
Khám phá xã hội	
MT21. Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. nói tên, một số công việc của các cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi và trò chuyện.	- Trường mầm non của bé - Lớp học của bé - Các hoạt động ở trường mầm non.
MT22. Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân; họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh, ảnh.	- Bé tự giới thiệu về mình - Cơ thể bé và bạn - Gia đình bé yêu
MT23. Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Ngôi nhà thân yêu của bé - Đồ dùng gia đình bé - Nhu cầu của gia đình - Dạy trẻ mạnh dạn chỗ đông người
MT24. Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi của một số nghề khi được hỏi và trò chuyện.	- Bé yêu bác nông dân - Bé yêu cô chú công nhân - Nghề bác sỹ - Bé yêu chú bộ đội
MT25. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Bé vui tết trung thu - Cô giáo như mẹ hiền - Cháu yêu chú bộ đội - Bé vui đón tết - Ngày vui 8/3 - Bác hồ kính yêu

MT26. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, đất nước, di tích lịch sử của địa phương	- Diển Châu quê hương em(bãi biển, núi, đồng lúa. Biển diển thành, lên 2 vai, chùa cổ am, khu du lịch diển thành - Nghệ an yêu dấu
Làm quen với Toán	
MT27. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ:” Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”	- Đếm nhận biết đối tượng trong phạm vi 1, 2 - Đếm đến 3 nhận biết nhóm có 3 đối tượng - Đếm đến 4 nhận biết nhóm có 4 đối tượng - Đếm đến 5 nhận biết nhóm có 5 đối tượng - So sánh sự khác nhau về số lượng của 2 nhóm đối tượng - Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 3 - Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 4 - Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5
MT28. Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT29. Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Tách gộp trong phạm vi 3 Tách gộp trong phạm vi 4 Tách gộp trong phạm vi 5
MT30. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (thôn xóm đang ở, số điện thoại, biển số xe...)
MT31. Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- Xếp tương ứng 1-1, Ghép đôi
MT32. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc
MT33. Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, so sánh kích thước, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo - So sánh chiều rộng của 2 đối tượng - So sánh chiều cao của 2 đối tượng - So sánh chiều cao của 3 đối tượng
MT34. Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình(tròn và tam giác, vuông và hình chữ nhật...)	- Phân biệt hình tam giác với hình tròn. - Phân biệt hình vuông với hình chữ nhật - Phân biệt hình tròn với hình vuông, hình tam giác với hình chữ nhật - Ôn nhận biết phân biệt các hình
MT35. Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT36. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định phía phải, phía trái của của bản thân trẻ - Xác định phía phải phía trái của bạn khác - Phân biệt phía trên phía trên, phía dưới phía trước, phía sau của bạn khác.
MT37. Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	Dạy trẻ các buổi sáng, trưa, chiều, tối
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT38. Trẻ Thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp	- Hiểu lời nói và làm theo được 2-3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày

MT39. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ.....	- Đồ dùng trong gia đình - Đồ chơi trong trường mầm non - Đồ dùng ngành nghề Các con vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước ... Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy ... nơi hoạt động...
MT40. Trẻ sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày - Bày tỏ, nhu cầu tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi
MT41. Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.....	- Chủ đề trường mầm non: Dung dăng dung dẻ (Lương Thị Biên), Bé tới trường (Nguyễn Thanh Sáu), Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), Bập bênh (Lê Thị Hiền), Giờ chơi của bé (Phạm Thụy Quỳnh Anh). Tình bạn (Việt Quỳnh); Dế học chữ (Sưu tầm); Trăng lưỡi liềm (Nguyễn Hưng Hải) - Chủ đề bản thân : Tâm sự của cái mũi (Lê Thu Hương), Cô dạy (Phạm Hồ), Bé ơi (Phong Thu), Đôi bàn tay nhỏ xinh (Ngô Thị Bích Hiền); Phải là hai tay (Phạm Cúc); Lời chào (Nguyễn Tiến Bình); Rửa tay (Phạm Mai Chi) - Chủ đề gia đình :Lấy tấm cho bà (Định Hải), Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến), Quạt cho bà ngủ (Thạch Quỳnh), Lời chào (Phạm Cúc), Thăm nhà bà (Như mạo); Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan) Em là cô giáo (Lê Thị Hồng Mai), Cô giáo của em (Chu Huy). - Chủ đề ngành nghề : đi bừa, Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa), Đi bừa (Hoàng Dân), Chú giải phóng quân (Cầm Thơ), Làm Bác Sĩ (Lê Ngân); ; Ước mơ của bé (Lê Thị Hồng Mai), Chú cảnh sát giao thông - Chủ đề thực vật : cây dây leo, cây đào, hoa kết trái, tết đang vào nhà, Cây cau. Cây si. Hoa đào. Hoa mào gà. Hoa sen cây thuốc được. Hoa phượng. Từ hạt đến hoa.); Bó hoa tặng cô (Vương Quân Miện) - Chủ đề động vật: <i>Thơ</i>: Gọi bạn chuồn chuồn. Tiếng ve. Chú ngựa bay. Con trâu.Ếch con học bài. Con gà. Bếp ăn của con vật. Em vẽ. Chim chích bông. Méo con. - Chủ đề phương tiện giao thông::giúp bà, Đèn báo. Con đường của bé. Đi chơi phố (Trần Nhật Thu), Tiếng động quanh em. Xe cần cẩu (Nguyễn Đức); Trên chín tầng mây, Đèn giao thông (Thái hà). Thuyền giấy. - Chủ đề hiện tượng tự nhiên: ông mặt trời óng ánh, Ông mặt trời bật lửa (Đỗ xuân Thanh), Trưa hè (Dạ Thảo), Nước (Vương Trọng), Mưa (Nguyễn Diệu), Mùa hè của em (Tuyết Hoa); Bốn mùa ở đâu (Cao

	Xuân Sơn); Mùa hạ tuyết vời (Phạm Hưng Long) Ông sảo ông sao. Trăng lưỡi liềm. Hương và gió. Bão. Cầu vồng. Tia nắng. Nước. Mùa thu. Mùa đông - Đồng dao, ca dao: Dung dăng dung dẻ Đồng dao về củ Thơ: Hoa quanh lăng Bác(Nguyễn Bao).Em vẽ Bác Hồ(Thy Ngọc), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao), Con diều;quê em vùng biển (Đặng Quang Định), Buổi sáng quê nội (Nguyễn Lâm Thắng);Sáng tháng năm (Tố Hữu); Bác thăm nhà cháu (Thái Hòa) Buổi sáng (Lam Giang) ảnh bác,
MT42. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT43. Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động,
MT44. Trẻ biết lắng nghe kể truyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện, bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Chủ đề trường mầm non Người bạn tốt, món quà của cô giáo (Tú Anh), Ai lớn nhất, ai bé nhất (Trần Thị Hoài), Người bạn tốt (Hoàng Thị Hà), Sự tích chú cuội cung trăng (Truyện cổ tích việt nam); Thỏ trắng đi học, - Chủ đề bản thân Ngôi nhà ngọt ngào, Đôi dép (Trần Thị Châu Mỹ), Cây táo thần (Kim Tuyền) Củ cải trắng (Kim Tuyền). Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên); Cái mồm (Phùng Thành Chúng) - Chủ đề gia đình Tích chu (Phỏng theo truyện “ Sự tích chim cu), Thỏ dọn nhà, Cháu ngoan của bà (Mai Thị Minh Huệ), Quà tặng mẹ. Cây Khế (Kim Tuyền); Cô bé quàng khăn đỏ ; Sẻ con đáng yêu (Nguyễn Thanh Trang);, “ Ba cô gái” “ Hai anh em” - Chủ đề ngành nghề Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền), Sự tích quả dưa hấu(Theo truyện cổ việt nam), Niềm vui từ bát canh rau cải(Trần Ngọc Trâm); Thần sất; Người làm vườn và các con trai (Thúy toàn dịch) - Chủ đề thực vật : Con hãy đợi rồi sẽ biết. Niềm vui từ bát canh cải. Chuyện trong vườn., Hoa dâm bụt (Xuân Quỳnh), Hạt đỗ sót (Xuân Quỳnh);; Củ cải trắng; Chú đỗ con; - Chủ đề động vật Học trò của cô giáo chim khách., Cáo thỏ và gà trống (Thu Thủy), , Dê con nhanh trí; Mèo lại hoàn mèo; - Chủ đề giao thông Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi), Một chuyến thăm quan (Phạm Ngọc Cài) Kiến thi an toàn giao thông (PGĐT Yên Bái); Ba ngọn nến. Cái hố bên đường. Chuyện về ba cậu bé - Chủ đề hiện tượng tự nhiên. Đám mây xấu xí (Nguyễn Văn Thắng), Nàng công chúa chuột, Cầu Vồng(Phương Nhi), Hồ nước và mây(Sưu tầm); Lời

	ru của trăng (Xuân Quỳnh); Gió và mặt trời, Cầu vồng (Phương Nhi); Câu chuyện mùa xuân; Cô Mây. Hồ nước và mây. Câu chuyện về giọt nước. Cái hồ nhỏ - Chủ đề quê hương đất nước –Bác hồ : Quả táo Bác Hồ(Tuyển tập thơ văn thiếu nhi), , Sự tích Hồ Gươm
MT45. Trẻ sử dụng được các từ thể hiện sự lễ phép, trẻ biết mời cô, mời bạn, biết nói lời cảm ơn, xin lỗi... trong giao tiếp, biết chào hỏi lễ phép.	+ Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi + Dạy trẻ biết mời cô, mời bạn trước khi ăn.
MT46. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT47. Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc. kể lại sự việc theo trình tự	- Dạy trẻ Kể lại chuyện đã được nghe - Kể chuyện theo tranh
MT48. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt câu hỏi “ai”, “cái gì”, “ở đâu”, “khi nào”, “để làm gì” - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT49. Trẻ biết chọn sách để xem, biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt).	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách (hướng đọc từ trái qua phải từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ các dấu, phân biệt đầu kết thúc của sách) Đọc chuyện qua sách tranh/tranh vẽ - Giữ gìn, bảo vệ sách
MT50 Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Một số biển báo giao thông, đèn tín hiệu. Ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm.
MT51. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng Trẻ có biểu tượng ban đầu về kí hiệu/chữ cái/chữ viết	- Làm quen với cách viết tiếng việt (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành các nét chữ cái - Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô đồ các nét chữ - Sử dụng ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT52. Trẻ chú ý nghe, thích thú(hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư)theo bài hát, bản nhạc.	Trường Mầm non. Nghe hát: Bàn tay cô giáo (Nhạc Phạm tuyên-lời Thơ Định Hải); Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân), Trường làng tôi (Trương Quang Lục); Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện);; Cô Giáo (Đỗ Mạnh Tường), ánh trăng hòa bình... Bản thân: Cánh én tuổi thơ; Thật đáng chê (theo điệu Bắc Kim thang- lời Việt Anh); Khúc hát ru của người mẹ trẻ (nhạc Phạm Tuyên-lời Lâm Thi Mỹ Dạ); Sinh nhật hồng(Lê Quốc Thắng); Dân ca tự chọn

	Gia đình: Bàn tay mẹ (nhạc Bùi Đình Thảo – lời thơ Tạ Hữu Yên); Chỉ có một trên đời (nhạc Trương Quang Lục – ý thơ Liên Xô); Bó là tất cả (Thập Nhất); Ngôi sao nhỏ; Cho con (nhạc Phạm Trọng Cầu-lời thơ Tuấn Dũng); Lời ru mùa đông (Đặng Hữu Phúc); Ru con (ĐC Nam bộ) Người giáo viên nhân dân, Cô giáo miền xuôi. Nghề nghiệp: Màu áo chú bộ đội (Nhạc và lời Trần Văn Tý); Hạt gạo làng ta (nhạc Trần Việt Bính – Lời thơ Trần Đăng Khoa); Thì thầm đồng quê; Xe chỉ luân kim (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa), dân ca tự chọn. Lớn lên cháu lái máy cày. Những con vật đáng yêu: Chì ong nâu và em bé, , Lý con sáo sang sông (Dân ca Nam Bộ), Lý con khi (Dân ca Nam Trung Bộ); Gà gáy (ĐC Cổng Khao) cò lả, con chim vành khuyên -Thế giới thực vật tốt, mùa xuân: Cây trúc xinh, Lý cây bông (Dân ca Nam Bộ), Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa), Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiệp), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Trồng cây, Dân ca tự chọn. Miền nam của em (Hoàng Nguyễn) - Bé tìm hiểu PT và quy định giao thông: Những cô gái trên dòng sông quan họ (Phó Đức Phương), Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao – lời Thơ Xuân Quỳnh), Dân ca tự chọn. Những con đường em yêu, anh phi công ơi, bạn ơi có biết - Nước và các hiện tượng tự nhiên: Hạt nắng hạt mưa, Reo vang bình minh (Lưu Hữu Phước), Mưa rơi (ĐC Xá); Bèo dạt mây trôi, - Quê hương đất nước – Bác Hồ: chim câu trắng. Gửi anh một khúc dân ca. Lý chiều chiều. Xòe hoa Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng (Phong Nhã), Bác Hồ người cho em tất cả. Em đi trong tươi xanh. Em như chim, bác hồ người cho e tất cả, xòe hoa
MT53. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời; Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu, vận động minh họa...)	- Chủ đề trường mầm non: Vui đến trường (Hà Bắc), Chào hỏi khi về (nhạc Hàn Quốc), Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền), Rước đèn dưới ánh trăng (Phạm Tuyên); Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh); Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch); Hoa trường em (Dương Minh Khang). - Chủ đề bản thân: Mừng sinh nhật (nhạc Anh, lời Đào Ngọc Dung); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Càng lớn càng ngoan; Cái mũi (Lê Đức-Thu Hiền), Cả tuần đều ngoan (Phạm Tuyên); Tôi bị ốm (nhạc Anh lời Phan Hương); Bạn ở đâu (nhạc Pháp, lời Lê Đức-Thu Hiền); Tìm bạn

	thân (Việt Anh); Tay thơm, tay ngoan (Bùi Đình Thảo)Cái mũi - Chủ đề gia đình: Cháu yêu bà (nhạc và lời Xuân Giao), Chào hỏi), Mẹ đi vắng (Trịnh Công Sơn); Mẹ yêu không nào.); Nhà của tôi (Thu Hiền); Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường – lời Thơ(Nguyễn Hữu Tưởng), Cô và mẹ(Phạm Tuyên) - Chủ đề ngành nghề: Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân), Chú bộ đội đi xa(Hoàng Vân), Chú bộ đội, (Nhạc và lời Kim Hữu), Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền) - Chủ đề Động vật: Cá Vàng bơi Nguyễn Hà Hải), Con chuồn chuồn. Con chim non. Đố bạn. Một con Vịt. Thật là hay. Thương con mèo. Vì sao chim hay hót.. - Chủ đề thực vật: Quả(Xanh Xanh), Bầu và bí(Phạm Tuyên), Màu hoa(Hồng Đăng), Cùng múa hát mừng xuân(Hoàng Hà), Ngày vui 8/3(Hoàng Văn Yến), Lý cây xanh(Dân ca Nam Bộ), Cây bắp cải(nhạc Thu Hồng lời Phạm Hồ), Sắp đến tết rồi(Hoàng Vân), Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Bầu bí thương nhau (Phạm Tuyên). Ngày vui của bà của mẹ - Chủ đề giao thông: Đèn xanh đèn đỏ. Đường em đi em nhớ, em đi qua ngã tư đường phố, em đi chơi thuyền, Lái máy bay. - Chủ đề hiện tượng tự nhiên: Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền), Mây và gió (Minh Quân) Chủ đề Quê hương Đất nước Bác Hồ:Em yêu thủ đô(Bảo Trọng) Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu), Hòa bình cho bé (Huy Trân), Quê hương em biết bao tươi đẹp, lá cờ nhỏ,
MT54. Trẻ biết tự lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Vận động các bài hát trong chủ đề bằng các hình thức vận động theo ý tưởng của trẻ.
MT55. Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc	- Hát theo hình vẽ, Tai ai tinh, Ai nhanh nhất, Sômi, Ai nhanh nhất, Nghe tiết tấu tìm đồ vật...
MT56. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Tranh hoa trong vườn trường. - Tranh Trang trí bình hoa tặng cô. - Tranh trang trí vườn hoa - Tranh vườn cây xanh - Làm quà tặng chú bộ đội - Làm quà tặng mẹ
MT57. Trẻ biết phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc bố cục, có kỹ	* Chủ đề trường mầmnon: - Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường - Vẽ đồ chơi trong lớp học * Chủ đề bản thân

năng xé, cắt theo đường thẳng đường cong.	- Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc - tô màu vòng treo cổ - Trang trí áo bé trai bé gái * Chủ đề gia đình - Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo - Vẽ, tô màu ngôi nhà - Vẽ, tô màu người thân trong gia đình - Xé dán bông hoa trang trí cửa sổ * Chủ đề các nghề bé yêu - Cắt dán cái thang cho chú công nhân - làm quà tặng chú bộ đội * Chủ đề thế giới thực vật – tết và mùa xuân - Vẽ, tô màu cây xanh - Vẽ và tô màu rau củ quả bé thích - Xé dán quả - Vẽ, tô màu vườn hoa mùa xuân * Chủ đề những con vật đáng yêu - Vẽ, tô màu con mèo - Cắt dán con vật sống dưới nước - Vẽ, tô màu con bướm * Chủ đề bé tìm hiểu phương tiện và quy định giao thông - tô màu chu cảnh sát giao thông - Vẽ và tô màu tàu hỏa - Vẽ và tô màu tàu hỏa - Xé dán máy bay trực thăng * Chủ đề nước và các hiện tượng tự nhiên - Xé dán mặt trời và những đám mây - Vẽ, tô màu cảnh mùa hè; - Vẽ, tô màu chiếc ô
MT58. Trẻ biết cách làm lồm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Nặn theo ý thích - Nặn một số đồ dùng trong gia đình - Nặn con vật bé thích
MT59. Trẻ biết thể hiện xen kẽ màu, hình trong trang trí đơn giản	- Trang trí khung ảnh Bác Hồ - Trang trí áo bé trai, bé gái. - Trang trí dây hoa bằng vân tay.
MT60. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình, của tác phẩm tạo hình	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT61. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những điều bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân - Trẻ thích được đến lớp, thích chơi với bạn, thích ăn món ăn gì ...

MT62. Trẻ biết nhận biết và biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	- Khuôn mặt biểu lộ cảm xúc
MT63. Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia vào trò chơi, đồ chơi - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý tưởng, sở thích riêng của bản thân và của nhóm
MT64. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ; bỏ rác đúng nơi quy định	Trẻ cố gắng thực hiện công việc được người lớn giao như: xếp bàn ghế, xếp gối, xếp chăn, cất dọn đồ dùng, đồ chơi.... - HD trẻ kỹ năng xếp gối - HD trẻ kỹ năng xếp chăn - HD trẻ kỹ năng gấp áo. - HD trẻ kỹ năng gấp quần. - HD trẻ kỹ năng mặc quần, áo - HD trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng học tập gọn gàng
MT65. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	- Trẻ kính yêu Bác Hồ
MT66. Trẻ biết được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Trẻ quan tâm đến di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước (lễ Đền Công...), biển Diễn Thành, Cửa Hiền..., đất nước Việt Nam
MT67. Trẻ biết chú ý nghe khi cô và bạn nói, biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.
MT68. Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Trẻ biết hợp tác trao đổi với bạn trong nhóm, lớp để cùng nhau thực hiện các hoạt động (HD học, vui chơi, trực nhật, lao động...)
MT69. Trẻ biết quan tâm và bảo vệ môi trường sống. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Ra sân vườn không hái hoa bẻ cành + Dạy trẻ làm vườn
MT70. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Dạy trẻ kỹ năng nhặt rác và bỏ rác đúng nơi quy định - Dạy trẻ kỹ năng quét nhà. - Dạy trẻ thu gom và phân loại rác - Bỏ rác vào thùng rác
MT71. Trẻ biết được không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	- Hoạt động vệ sinh, - Hướng dẫn kỹ năng sống tiết kiệm điện (tắt quạt, tắt điện khi không sử dụng) - Trẻ sử dụng nước tiết kiệm: vặn nước vừa đủ, rót nước uống vừa đủ uống, tắt nước khi không sử dụng. Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm nước.
NỘI DUNG GIÁO DỤC TĂNG CƯỜNG	
MT72. Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen	Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình.

MT73. Trẻ thể hiện điệu múa hồn nhiên, theo bản nhạc,	Phối hợp trung tâm năng khiếu múa
MT74. <i>Tin học:</i> Trẻ biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM	Hướng dẫn trẻ biết máy tính. - Cách mở máy, tắt máy - Điều khiển chuột - Chơi, điều khiển các trò chơi

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC TRẺ 5-6 TUỔI.

A. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TRẺ 5-6 TUỔI. NĂM HỌC 2024 – 2025

(Thực hiện từ 9/9/2024 đến 23/5/2025)

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian
Trường mầm non (4 tuần)	- Trường mầm non thân yêu	1	Từ 09 đến 13/9
	- Vui tết trung thu	2	Từ 16 đến 20/9
	- Lớp học của bé	3	Từ 23/9 đến 27/9
	- Các hoạt động trong trường mầm non	4	Từ 30/9 đến 04/10
Bản thân (3 tuần)	- Tôi là ai?	5	Từ 07 đến 11/10
	- Tìm hiểu về các giác quan	6	Từ 14 đến 18/10
	- Bé lớn lên từng ngày	7	Từ 21 đến 25/10
Gia đình bé (4 tuần)	- Gia đình thân yêu của bé	8	Từ 28/10 đến 01/11
	- Ngôi nhà của bé	9	Từ 04 đến 08/11
	- Đồ dùng – Nhu cầu gia đình bé	10	Từ 11 đến 15/11
	- Ngày hội của cô giáo	11	Từ 18 đến 22/11
Lớn lên bé thích làm nghề gì (5 tuần)	- Bé yêu bác nông dân	12	Từ 25/11 đến 29/11
	- Cháu yêu cô chú công nhân	13	Từ 02/12 đến 06/12
	- Nghề dịch vụ	14	Từ 09 đến 13/12
	- Chú bộ đội	15	Từ 16 đến 20/12
	- Nghề giúp đỡ cộng đồng	16	Từ 23 đến 27/12
Thế giới thực vật – Tết và mùa xuân (4 tuần)	- Một số loại rau	17	Từ 30/12 đến 03/1/2024
	- Một số loại quả	18	Từ 06 đến 10/1
	- Mùa xuân và một số loại hoa	19	Từ 13 đến 17/01
	- Bé vui đón tết Nguyên đán	20	Từ 20 đến 24/01
Những con vật đáng yêu (5 tuần)	- Con vật nuôi gia đình	21	Từ 10 đến 14/02
	- Con vật sống dưới nước	12	Từ 17/2 đến 21/02
	- Con vật trong rừng	23	Từ 24 đến 28/02
	- Ngày vui 8/3	24	Từ 03 đến 07/03
	- Côn trùng và một số loại chim	25	Từ 10 đến 14/03
Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT (3 tuần)	- Phương tiện và QĐ GT đường bộ, đường sắt	26	Từ 17 đến 21/03
	-Thực hành một số QĐGT đường bộ	27	Từ 24 đến 28/3
	-Phương tiện và quy định giao thông	28	Từ 31/03 đến 04/4

	đường thủy và đường không		
Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Bé biết gì về nước	29	Từ 07 đến 11/4
	- Các hiện tượng tự nhiên	30	Từ 14 đến 18/4
	- Thứ tự các mùa trong năm	31	Từ 21 đến 25/4
Trường Tiểu học. Quê hương Đất nước - Bác Hồ (4 tuần)	- Trường TH và đồ dùng học sinh lớp 1	32	Từ 28 đến 02/5
	- Quê hương yêu dấu	33	Từ 5 đến 09/5
	- Bác Hồ kính yêu và mừng SN Bác	34	Từ 12 đến 16/05
	- Đất nước Việt Nam diệu kỳ	35	Từ 19 đến 23/05
Tổng		35 tuần	

B. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1 Tổ chức bữa ăn	a.Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Trẻ ăn tại trường : Một bữa chính và một bữa phụ. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu đầy đủ các chất - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. * Lượng thực phẩm: - Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết như: Đạm, bột, đường, muối khoáng . * Nước uống: - Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nước một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả). - Mùa đông cần ủ nước cho ấm. - Giáo viên cho trẻ uống theo nhu cầu và chia làm nhiều lần trong ngày. Không nên cho trẻ uống nhiều nước trước bữa ăn. b. Chăm sóc bữa ăn * Trước khi ăn.	-CBQL chỉ đạo thực hiện. -GV phối hợp phụ huynh thực hiện	

	- Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh và hướng dẫn trẻ vệ sinh sạch sẽ, rửa tay sát khuẩn trước khi ngồi vào bàn ăn. - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng ăn uống cho trẻ và một số đồ dùng khác * <i>Trong khi ăn.</i> - Giáo viên tạo không khí ngon miệng cho trẻ, động viên trẻ ăn hết suất - Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống * <i>Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ tự VS răng miệng, uống nước - Giáo viên lau sàn nhà khô ráo sạch sẽ, sát khuẩn sàn nhà sau khi ăn xong.		
3.2 Tổ chức giấc ngủ	* <i>Chuẩn bị trước khi trẻ ngủ:</i> - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng cho giấc ngủ của trẻ, tâm thế cho trẻ phải thoải mái, phù hợp theo mùa * <i>Theo dõi trẻ trong khi ngủ:</i> - Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 140p- 150 phút. Trẻ ngủ ngon giấc, đầy giấc. - Giáo viên nhắc trẻ vào chỗ ngủ nằm đúng tư thế. Khi trẻ ngủ cô phải thường xuyên có mặt để theo dõi trẻ ngủ an toàn, giáo viên thường xuyên quan sát, phát hiện kịp thời và xử lý các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. * <i>Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy:</i> - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước giáo viên cho trẻ dậy trước. - Giáo viên nhắc nhở trẻ làm một số nhiệm vụ sau khi ngủ dậy, cất đồ dùng vào nơi quy định. Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều.		
3.3. Tổ chức vệ sinh	1.Vệ sinh cá nhân cô: - Cô giáo phải thường xuyên vệ sinh cá nhân sạch sẽ, không làm lan bệnh tật sang trẻ và cộng đồng. * <i>Vệ sinh thân thể:</i> - Rửa tay sát khuẩn hằng ngày, rửa tay sạch bằng xà phòng và nước sạch trước khi cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, sau khi đi vệ sinh.... - Luôn giữ VS khi chăm sóc trẻ. Đeo khẩu trang khi tổ chức bữa ăn cho trẻ. Quần áo gọn gàng, sạch sẽ. Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ 2. Vệ sinh cá nhân trẻ 2.1 Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân sạch sẽ 2.2 Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN, phòng tránh dịch covid	- Giáo viên	

	- Hướng dẫn trẻ rửa tay sát khuẩn, rửa tay bằng xà phòng và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. 3. Vệ sinh môi trường: * Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp, trong kho giáo viên phải thường xuyên lau chùi, sắp đặt gọn gàng và đảm bảo an toàn cho trẻ. - Giáo viên có lịch cuối tuần khử khuẩn các loại đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn an toàn và phơi khô ráo - Đồ dùng vệ sinh phải cất đặt gọn gàng, ngăn nắp - Bàn ghế phải cọ rửa vào cuối tuần, phơi khô, xếp đặt gọn gàng. * Vệ sinh phòng nhóm - Giáo viên thường xuyên vệ sinh phòng nhóm sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về. Phòng phải khô ráo không để trẻ trơn trượt. - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ, đồ dùng trong kho phải xếp đặt gọn gàng, theo bộ khoa học, dễ thấy, dễ lấy - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi khai. * Xử lý rác, nước thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác có nắp đậy của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. Trẻ biết phân loại rác theo chất liệu. - Thường xuyên khơi thông cống rãnh để thông nguồn nước thải, không để ứ đọng nước thải sau khi rửa xong, không để gây mùi hôi của nước thải, mất vệ sinh. * Giữ sạch nguồn nước - Nguồn nước cho trẻ ăn uống phải đảm bảo đúng quy chuẩn. Cung cấp đủ nước sạch để nấu và sinh hoạt hằng ngày. - Dụng cụ chứa nước đảm bảo sạch sẽ không gây độc, có nắp đậy, dễ cọ rửa, an toàn cho người sử dụng.		
3.4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	1. Chăm sóc sức khỏe trẻ: * Khám sức khỏe định kì: - Nhà trường kết hợp Trạm y tế xã để kiểm tra sức khỏe cho trẻ (Tháng 9, tháng 3), phát hiện xem những trẻ nào mắc các bệnh thông thường. - Nhân viên y tế nhà trường thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ em, kịp thời phát hiện bệnh tật của trẻ để phối hợp với gia đình có hướng xử lý, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo qui định. * Khám điều trị chuyên khoa: - Trong năm học nhà trường phối hợp bác sĩ của Trung tâm y tế huyện, bác sĩ chuyên khoa để khám cho trẻ ít nhất 1 lần trong năm; phát hiện những bệnh có thể nguy hiểm để thông báo cho phụ huynh điều trị theo chuyên khoa kịp thời.	Bác sĩ trạm y tế Nhân viên y tế;	

--	--	--	--

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 5-6 TUỔI

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: <i>Về cân nặng:</i> + Trẻ trai: 15,9-27,1kg + Trẻ gái: 15,3- 27,8 kg <i>Chiều cao:</i> + Trẻ trai: 106,1- 125,8cm + Trẻ gái: 104,9- 125,4cm	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi - Phòng chống SDD và các bệnh khác - Vệ sinh ăn uống và VS cá nhân sạch sẽ - Kiểm tra sức khỏe 2 lần /năm... - Cân đo : + Đối với trẻ phát triển bình thường, cân đo 3 tháng /lần + Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1 tháng / lần - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo phác đồ phát triển để có kế hoạch kịp thời
MT2. Trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT3. Hiểu về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm: Phân loại thực phẩm thường dùng theo nhóm giá trị dinh dưỡng (4 nhóm)	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT4. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi định, đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng, tự thay quần áo - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

MT5. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và vệ sinh phòng bệnh: lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp	-Biết một số thói quen tốt để bảo vệ sức khỏe (Lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa, vệ sinh thân thể và môi trường để giữ gìn sức khỏe) - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau để nói với người lớn. Biết được nguyên nhân và cách phòng tránh. - Khi đứng trước đông người ho, hắt hơi, ngáp biết che miệng để không mất vệ sinh * GDKNS: + Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định và phân loại rác thải + Dạy trẻ đeo khẩu trang đúng cách.
MT6. Trẻ biết được một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh, biết gọi người giúp đỡ khẩn cấp: bàn là, bếp điện, bếp lò, nước sôi, những vật sắc nhọn, ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. -Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. *GDKNS: - Dạy trẻ phòng tránh điện giật. - Dạy trẻ phòng tránh đuối nước - Dạy trẻ những kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn. - Dạy trẻ kỹ năng phòng chống bắt cóc. - Kỹ năng khi đi lạc - Hướng dẫn trẻ học số điện thoại của bố mẹ
MT7.Trẻ biết được hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc	- Trẻ không lại gần người hút thuốc lá, biết nhắc nhở người khác không hút thuốc lá
MT8.Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày	- Trẻ làm được một số công việc đơn giản: Như quét nhà sân, lấy nước, tắm cho người lớn, giúp một số việc nhỏ ở lớp...
MT9.Trẻ biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	-Trẻ không lại gần và nhận quà của người lạ và không được đi theo nếu như chưa có sự cho phép của người thân *GDKNS: + Kỹ năng không nhận quà và đi theo người lạ.
MT10.Trẻ biết tự mặc và cởi quần áo.	-Tự mặc (Cài và mở cúc áo, quần) - Sửa trang phục ngay ngắn gọn gàng khi mặc xong. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây. *GDKNS: +Dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ(xếp quần áo, xếp gối chăn..)
b. Phát triển vận động	
MT11. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	-Trẻ tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước sang hai bên.

	+ Co và duỗi từng tay, Kết hợp kiễng chân, 2 tay đánh xoay tròn trước ngực , đưa lên cao - Lưng bụng lườn: + Ngửa người ra sau , kết hợp tay giơ lên cao , chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải kết hợp chống hông hoặc 2 tay dang ngang , chân bước sang phải, hoặc sang trái. + Nghiêng người sang hai bên , kết hợp 2 tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.
MT12. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động đi chạy	+Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. +Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát +Đi nổi bàn chân tiến, lùi. +Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. + Đi dật lùi được 5 m theo hướng thẳng. + Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100-120m. + Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian
MT13. Thể hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động bò, trườn, trèo	+Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. +Bò đích dắc qua 7 điểm. +Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. +Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. +Trèo lên xuống 7 giống thang.
MT14. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền, tung, ném, đập, bắt bóng.	+Tung bóng lên cao và bắt bóng. +Tung, đập bắt bóng tại chỗ. +Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay. +Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. +Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách 4 m +Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Lăn bóng bằng 2 tay đi theo bóng.
MT15. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động bật, nhảy.	+Bật liên tục vào vòng. +Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). +Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.

	+Bật qua vật cản 15 - 20cm. +Nhảy lò cò 5m- Đổi chân theo yêu cầu.
MT16. Trẻ thực hiện được và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ -Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. -Gập mở lần lượt từng ngón tay - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số -Cắt được theo đường viền các hình vẽ -Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu -Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu -Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc-mơ-tuya.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắn - Lắp ráp - Xé, cắt vòng cung - Tô, đồ theo nét - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây
MT17. Trẻ biết thực hiện các bài tập vận động tổng hợp một cách khéo léo đúng kỹ thuật.	+ Bật xa - Ném xa bằng 2 tay + Bật khép, tách chân - Chạy nhanh 10m. + Ném đích nằm ngang- Chạy nhanh 12m + Bật qua 3- 4 vòng- Lăn bóng 4m + Ném xa bằng 2 tay- chạy nhanh 15m + Đi, chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh
MT18. Trẻ thực hiện được các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	-Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút
Lĩnh vực phát triển nhận thức:	
a. Khám phá khoa học	
MT19. Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng và biết sử dụng các giác quan để xem xét, thảo luận về sự vật hiện tượng	-Ham hiểu biết, thích khám phá tìm tòi. Tích cực tham gia các hoạt động tìm hiểu, khám phá.(đưa ra các câu hỏi để giải quyết thắc mắc trong quá trình hoạt động) + Một số hiện tượng tự nhiên. + Bé biết gì về nước.
MT20. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	+ Các mùa trong năm
MT21. Trẻ biết phối hợp các giác quan nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các giác quan.	+ Tìm hiểu về các giác quan +Bé lớn lên từng ngày.
MT22. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của một số đồ dùng gia đình	Trẻ dùng hiểu biết của mình để nêu + Một số đồ dùng , nhu cầu trong gia đình + Ngôi nhà bé ở

MT23. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. Giải thích bằng mẫu câu “Tại, vì... nên...” -Tìm hiểu về nguồn nước, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Lợi ích của nguồn nước đối với con người, con vật, cây cối...
MT24. Trẻ biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	- Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. -Tìm được đặc điểm chung của 3 hoặc 4 con vật/cây. + Một số vật nuôi trong gia đình + Một số vật nuôi trong rừng + Động vật sống dưới nước +Một số loại côn trùng + Cây xanh và môi trường sống + Một số loại rau, quả +Một số loại hoa
MT25. Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận	-Trẻ sử dụng khả năng hiểu biết của mình để thu thập các thông tin về đối tượng
MT26 . Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét....	-Trẻ tham gia làm thí nghiệm đơn giản và có khả năng quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét... +Một số chất tan và không tan trong nước +Pha màu nước +Thí nghiệm vật chìm vật nổi + Nhốt không khí + Sự khác nhau của âm thanh các loại dụng cụ... + Thực hành gieo hạt nảy mầm,
MT27. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	-Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. -Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. + Phương tiện quy định giao thông đường bộ-đường sắt +Phương tiện và quy định giao thông đường thủy, đường hàng không +Thực hành một số quy định giao thông - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. -Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
MT28. Trẻ có khả năng nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng, cây cối, con	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.... - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, - - Cây thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống.

	Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Trải nghiệm, làm các thí nghiệm nhỏ vật chìm nổi, chất tan, không tan, sự nảy mầm, sự phát triển của cây,...
MT29. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Biết nghĩ ra nhiều cách khác nhau để giải quyết vấn đề
MT30. Trẻ biết được một số cách ứng phó và giảm nhẹ của hậu quả biến đổi khí hậu	- Trời mưa không đi ra ngoài, không trú dưới gốc cây to - Che ô đội mũ khi đi ra ngoài nắng - Trồng cây xanh...
MT31. Trẻ nhận biết một số vùng biển và hải đảo Việt Nam và biết một số nguyên nhân gây ô nhiễm/làm ảnh hưởng biển, hải đảo	- Biển đảo quê hương. - Nguyên nhân gây ô nhiễm
b. Khám phá xã hội	
MT32. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. + Trẻ giới thiệu về bản thân
MT33. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. . + Gia đình thân yêu của bé. + Các đồ dùng trong gia đình. + Họ hàng gia đình. + Ngôi nhà của bé.
MT34. Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình trẻ đang sinh sống xóm, xã, ... và điện thoại của gia đình
MT35. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, nói được tên, công việc của cô giáo, các bạn và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+ Trường mầm non Diễm Lợi thân yêu + Lớp học của bé + Các hoạt động trong trường mầm non
MT36. Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	- Biết tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Bé yêu bác nông dân + Cháu yêu cô chú công nhân + Nghề dịch vụ

	+ Nghề giúp đỡ cộng đồng (Bác sỹ, Công an, giáo viên...) +Cháu yêu chú bộ đội
MT37. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội; biết cùng cô tổ chức một số hoạt động đón chào các ngày lễ hội trong năm.	-Trẻ biết được một số lễ hội lớn trong năm như : + Ngày Quốc khánh 2/9; + Ngày khai giảng, + Tết trung thu, ngày tết nguyên đán; + Ngày hội của cô giáo. + Ngày thành lập quân đội nhân dân việt nam; + Ngày tết cổ truyền dân tộc + Vui hội ngày 8/3 Ngày 30/4; Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5; ngày tết thiếu nhi 1/6.
MT38. Trẻ kể được tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước và Bác Hồ	- Trẻ nói được đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. +Quê hương Diễn Lợi yêu dấu. + Đền Công, Lèn Hai Vai; Chùa cổ am, Biền Diên Thành, Quê Bác Hồ..... + Biền Cửa Lò; Đảo Ngư + Quảng trường Hồ Chí Minh +Thủ Đô Hà Nội + Xã Việt Nam diều kú +Ngày sinh nhật Bác Hồ, Quê Bác (Nghệ An)
MT39. Trẻ biết một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống :	-Trẻ mạnh dạn tự tin khi được giao lưu với các anh chị và môi trường tiểu học. Phụ huynh, giáo viên của 2 cấp học cần phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. -Sách vở, bút..... -Các hoạt động trong trường tiểu học(giờ học, chào cờ.....) + Trường tiểu học và đồ dùng học sinh lớp 1. + Tham quan trường tiểu học - Trẻ biết Trạm y tế, Ủy ban nhân dân xã Diễn Thọ, chợ Nho Lâm...
c. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT40. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng; so sánh đối tượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả	- Ôn số lượng trong phạm vi 5 - Đếm đến 6 nhận biết nhóm có 6 đối tượng - Đếm đến 7 nhận biết nhóm có 7 đối tượng - Đếm đến 8 nhận biết nhóm có 8 đối tượng - Đếm đến 9 nhận biết nhóm có 9 đối tượng - Đếm đến 10 nhận biết nhóm có 10 đối tượng - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 6 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 7 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 8 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 9 - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ trong phạm vi 10

MT41. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm; tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau	- Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 6 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 7 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 8 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 9 - Dạy trẻ Tách . gộp trong phạm vi 10
MT42. Trẻ nhận biết các con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại ..).
MT43. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc, biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp
MT44. Trẻ biết cách đo lường và nói được kết quả đo của các đối tượng(Đo độ dài, đo dung tích)	+ Mục đích của phép đo + Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. + Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. + Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT45. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối (khối cầu- khối trụ, khối vuông khối chữ nhật)	- Trẻ nhận biết các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận biết các khối hình đó trong thực tế: + Dạy trẻ phân biệt khối cầu, khối trụ + Dạy trẻ phân biệt khối vuông, khối chữ nhật + Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. + Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT46. Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	+ Dạy trẻ phân biệt phía trên-dưới phía trước, phía sau của đối tượng có sự định hướng. + Dạy trẻ phân biệt phía phải, phía trái của bạn khác. + Dạy trẻ phân biệt phía phải, phía trái của đối tượng có sự định hướng.
MT47. Trẻ nói ra được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Trẻ nhận biết ngày trên lịch trong tuần/tháng và giờ trên đồng hồ . + Dạy trẻ cách xem giờ + Trẻ ước lượng thời gian một phút
MT48. Trẻ biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự Trẻ có khả năng phân biệt ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	- Nói tên được các ngày trong tuần theo thứ tự, nói được ngày nào đi học ngày nào nghỉ trong tuần + Dạy trẻ nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT49. Trẻ có khả năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).

MT50. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	-Nghe hiểu các câu đơn, phức câu mở rộng Sử dụng các từ hình tượng.
MT51. Trẻ biết kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.	- Trẻ dùng lời nói để kể lại sự việc, hiện tượng mà mình biết cho người khác nghe một cách dễ hiểu theo trình tự
MT52. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh và điều chỉnh giọng nói phù hợp	-Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh và điều chỉnh giọng điệu một cách phù hợp.
MT53. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp : nói nhỏ khi giờ ngủ, khi người khác đang làm việc, khi đi thăm người ốm...
MT54. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	-Trẻ đọc thuộc và đọc diễn cảm các bài thơ, ngâm thơ,đọc bài đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò vè...trong độ tuổi : <u>Thơ:</u> + Chủ điểm Mầm Non: “Gà học chữ”(Phan Trung Hiếu); “Trăng ơi từ đâu đến”(Trần Đăng Khoa); “Tình bạn”(Trần Thị Hương), “Lời bé”(Nguyễn Văn Bình); bé học toán, làm quen chữ số, trăng sáng,Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) ,Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương); Bàn tay cô giáo, Cô giáo của con(Chu Huy), Tình bạn(Việt Quỳnh). Thư của bé (Hoàng Thị Dân) +Chủ điểm Bản Thân: “Xòe tay”(Phong Thu); “Bé chẳng sợ tiêm”; “Tay ngoan”(Võ Thị Như Chơn); “Chiếc bóng”(Phạm Thanh Quang), Miệng xinh(Phạm Hồ); Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương); Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Đi nắng, Thỏ bông bị ốm, §<i tay bÐ, M¼t ®Ó lụm g×, Tay ngoan), Những con mắt (Trường MN Tuổi Thơ- Hải Châu- Đà Nẵng) +Chủ điểm Gia đình: Thăm nhà bà(Như Mao); Em yêu nhà em(Đoàn Thị Lam Luyện), Quạt cho Bà ngủ(Thạc Quỳnh) Khách đến rồi(Lương Bình & Kim Tuyền); Chiếc quạt nan(Xuân Cầu); Gió từ tay mẹ (Vương Trọng); Cháu ngoan(Huỳnh Thị Cúc), Mẹ Chia bánh, Làm anh(Phan Thị Thanh Nhân), Gi÷a vßng giã th÷m(Quang Huy),V× con, Thương Ông(Tú Mờ), Ca dao đồng dao, Cả nhà chống bão (Sưu tầm) +Chủ điểm Ngành Nghề: “Cái bát xinh xinh”(Thanh Hòa); “Hạt gạo làng ta”(Trần Đăng Khoa); “Chú bộ đội hành quân trong mưa”(Vũ Thùy Hương); “Em là cô giáo” (Lê Thị Hồng Mai), Bé làm bao nhiêu nghề(Yên Thao) , Làm nghề như bố(Thu Quỳnh); Em làm thợ xây(

Hoàng Dân); Chú giải phóng quân(Cảm Thơ); Các cô thợ (Thị Ngọc); Làm họa sĩ dễ thôi (Tùng Bách); Hạt gạo làng ta (Thơ Trần Đăng Khoa), chiếc cầu mới(Thái Hoàng Linh), Ước mơ của Tý, Đi bừa(Hoàng Dân), Em cũng là cô giáo, Lúa mới, Chiếc xe lu, làm bác sỹ(Lê Ngân), Chú bộ đội hành quân trong mưa(Vũ Thùy Hương), Tâm sự của bức tường (Sưu tầm), Bé quét rác (Hoàng Thị Dân)

+Chủ điểm động vật: “Mèo đi câu cá”(Thái Hoàng Linh); “Gà nở”(Phạm Hồ); “Chú bò tìm bạn”; “Đom đóm”(Hoàng Hương – Sưu tầm) “Mèo con”(Phùng Phương Quý); Chim én (Nhược Thủy), Con chuồn chuồn ớt (Xuân Nùng), Gấu qua cầu (Ngọc Trâm), Con trâu(Thanh Thảo), Bồi tôi là vịt (Phạm Thái Quỳnh), Đàn kiến (Nhược Thủy),Hổ trong vườn thú; Con ong chuyên cần, Nàng tiên ốc(Phan Thị Thanh Nhàn), Gà mẹ đếm con(Nguyễn Duy Quế), m-ê qu¶ trông tr¶n(Phạm Hồ), Về loài vật, Ong và bướm(Nhược Thủy).

+Chủ điểm thực vật:
 “Lời chào của hoa”(Võ Văn Trục); “Hoa cúc vàng”(Ng. Văn Chương); “Bó hoa tặng cô”(Ngô Quân Miện)
 “Ăn quả”(Hồng Thu – Sưu tầm); “Vòng quay luân chuyển”(Miéc-Ta-Aghirê),Rau ngót, rau đay(Thu Hương), Họ nhà cam quýt, Cây dừa(Trần Đăng Khoa), Ghét bão thương cây(Sưu tầm)

+Chủ điểm giao thông:“Con đường của bé”(Thanh Thảo); “Chiếc cầu mới”(Thái Hoàng Linh); “Bé tập đi xe đạp”(Cao Thúy Hưng); Xe chữa cháy(Phạm Hồ), Đèn đỏ đèn xanh(Định Hải), Xe đồ rác(Sưu tầm); Xe Cẩn cầu (Nguyễn Đức), Thuyền giấy(Sưu tầm), Xe của bé (Thy Ngọc) Đoàn tàu lăn bánh(tạ Hữu Yên), Đàn kiến nó đi (Định Hải), Em yêu đường sắt quê em, Chú cảnh sát giao thông (Hương Mai); Không vứt rác ra đường (Vũ Thị Minh Tâm)

+Chủ điểm Nước và hiện tượng tự nhiên:“Cầu vồng”(Phạm Hồ); “Gió” (Xuân Quỳnh); “Nắng bốn mùa”(Mai Anh Đức); “Trăng ơi! Từ đâu đến?”(Trần Đăng Khoa);

+Chủ điểm quê hương đất nước: “Ảnh Bác”(TĐK); “Bé vào lớp một” (Đinh Dũng Toàn); “Quê em” (Nguyễn Hữu); “Bác thăm nhà cháu”(Thái Hòa),
 Ai dậy sớm(Võ Quảng), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam, Tân); Ảnh Bác(Trần Đăng Khoa), Bé vào lớp 1(Đinh Dũng Toàn), Đi Học(Minh Chính),...

	Đồng dao: - Tay đẹp, con công hay múa, Rền rền rành rành, vuốt hột nổ. trời mưa cho mối bắt gà Ca dao: - Công cha như núi hải sơn, Chim trời ai dễ đếm lông, Anh em nào phải người xa, Con cò bay lả, bay la, Nhiều điều phủ lấy giá gương, Gió mùa thu mẹ ru con ngủ, Rủ nhau xem cảnh kiếm hồ.
MT55. Trẻ biết kể chuyện sáng tạo theo tranh, đồ vật đồ chơi và kinh nghiệm của bản thân. Có khả năng thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	-Trẻ biết kể chuyện sáng tạo -Đóng kịch Truyện: + Chủ điểm Mầm Non: “Mèo con và quyển sách”(Trần Thị Thu); “Mời bạn đến chơi nhà”; “Thỏ trắng biết lỗi”(Phùng Thị Kim), Món quà của cô giáo(Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất, Ngày đầu đến lớp, Gà học chữ, Mèo con đi học, Nếu không đi học(Thu Hằng) +Chủ điểm Bản thân: “Câu chuyện của tay trái và tay phải”(Lý T.Minh Hà); “Chuyện của dê con”(Báo Họa mi); “Cháu rất nhớ bạn ấy”; “Giấc mơ kỳ lạ”(Ng. Bích Ngọc), “Bàn tay có nụ hôn”(Phỏng theo truyện kể của Thanh Nga); Mỗi người một việc(Lê Thị Thu Hương & Lê Thị Đức); Gấu con bị sâu răng(Tạ Thị Liên); Đôi tai xấu xí, Truyện của dê con. Gấu con chia quà, Giấc mơ kỳ lạ (Nguyễn Bích Ngọc). +Chủ điểm Gia đình: “Hai anh em gà con”(Lê Thực Hải – Suru tâm); “Bông hoa cúc trắng”(Truyện cổ N.Bản); “Sự tích hoa dạ hương”(Theo báo Họa mi), “Hai anh em”(Phỏng theo truyện cổ Việt Nam) ; “Ba anh em”(Phỏng theo truyện cổ Grim); “Bác sỹ chim”(Tuyền Chi: kể), Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu), + Chủ điểm Nghành nghề: Truyện Quả dưa hấu(Theo truyện cổ Việt Nam), Ba điều ước (Theo truyện cổ tây Nguyên), Thần sắt(Theo truyện cổ dân tộc Thái), Cây rau của thỏ út, kể chuyện sáng tạo theo chủ đề. +Chủ điểm động vật: “Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí” (Cẩm Bích – Suru tâm”; “Những nghệ sỹ của rừng xanh” (Theo báo Họa mi); “Chú dê đen”; “Chuyến đi xa của chú chuột nhỏ”(Lê Thị Ánh Tuyết); ‘Hươu con biết nhận lỗi” (Trần Thị Ngọc Trâm) - “Vì sao thỏ cụt đuôi”(Phạm Hoàng Yên);); “Gà tơ đi học”(Cẩm Linh kể); “Anh chàng Mèo Mướp” (Báo Họa mi) +Chủ điểm thực vật:

	“Cây tre trăm đốt”(Cổ tích Việt Nam); “Quả bầu tiên”(Cổ tích Việt Nam); “Sự tích hoa hồng”(Báo họa mi); “Hoa bìm bìm”(Kim Tuyến – Suu tầm); “Chuyện của hoa phù dung”(Nguyễn Thái Vân) - “Sự tích bánh chưng, bánh dày” (Truyện cổ tích VN); +Chủ điểm giao thông: “ Một phen sợ hãi”(Phạm Minh Thư); “Qua đường”(T.H); “Thỏ con đi học” (Đỗ Ngọc Anh); +Chủ điểm Nước và hiện tượng tự nhiên: “Giọt nước tí xíu”(Nguyễn Linh); “Sơn Tinh Thủy Tinh”(Truyện cổ Việt Nam); “Con vật rơi xuống hồ nước” +Chủ điểm quê hương đất nước: “Sự tích Hồ Gươm”(Truyện thuyết Việt Nam); “Niềm vui bất ngờ”, Bác Hồ kính yêu, Khen các cháu (Đào Đức – Sơn Liên); Ai ngoan sẽ được thưởng(Tụy Phương – Thanh Tú kể); Sự tích Hồ gươm, Quả táo, Món quà của cô giáo,...
MT56. Trẻ có khả năng đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	-Trẻ có thể thay tên mới cho câu chuyện, phản ánh đúng với nội dung câu chuyện -Thay 1 từ hoặc 1 cụm từ của 1 bài hát -Đặt tên mới cho đồ vật mà trẻ yêu thích
MT57. Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống. * GDKNS: - Dạy trẻ kỹ năng lễ phép khi ở nhà; khi ra đường; khi đến trường .
MT58. Trẻ có hành vi đúng khi sử dụng sách và các đồ dùng để viết: Cầm sách, cầm bút, giờ sách đúng cách: cầm đúng chiều, mở từ trang bìa, lật sách, chỉ vào chữ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; biết cách viết chữ theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; Đặt sách, bút đúng nơi quy định, không vẽ bẩn, làm nhăn, nhàu, hỏng sách	-Xem và đọc các loại sách khác nhau - Để sách đúng nơi quy định - Không ném vẽ bậy lên sách... - Có thái độ tốt với sách - Hướng đọc, viết : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT59. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông * Bé sẽ làm gì khi gặp sự nguy hiểm
MT60. Trẻ có khả năng kể chuyện theo tranh	- Nhìn vào tranh vẽ trọng truyện trẻ có thể nói nội dung tranh.....
MT61. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Trẻ đọc và phát âm chính xác 29 chữ cái tiếng việt theo các nhóm chữ; và nhận ra được các chữ cái đó trong cuộc sống hàng ngày. * Dạy trẻ các nhóm chữ cái: + LQCC:o- ô- ơ; TCCC: o-ô-ơ + LQCC:a -ă -â; TCCC: a-ă-â

	+ LQCC:e- ê; TCCC: e-ê + LQCC:u- ư; TCCC: u- ư + LQCC: i -t -c;TCCC: i-t-c + LQCC :b - d -đ; TCCC: b-d-đ + LQCC: m -n; TCCC: m-n + LQCC: l -h- k; TCCC: l-h-k +LQCC: p- q; TCCC:p-q + LQCC:g - y; TCCC:g-y + LQCC:s- x; TCCC:s-x + LQCC: v- r;TCCC:v-r
MT62. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	-Tập tô, đồ các nét chữ và sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình
MT63. Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác; Trẻ biết không nói tục, chửi bậy	- Khi người khác nói chuyện không ngắt ngang lời, không nói leo, không dùng những lời nói thô tục để nói và chửi bậy với người khác.
Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm xã hội	
MT64. Trẻ nói ra được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	- Thông tin của bản thân và mọi thành viên trong gia đình
MT65. Trẻ biết nói được mình có điểm gì giống và khác bạn	- Điểm gì giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
MT66. Trẻ biết cách ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	-Nói được những gì mình thích và không thích của bản thân, Biết cách chăm sóc bản thân (Ăn mặc, trang phục, cách chơi và sử dụng đồ chơi...)
MT67. Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	-Tự mình đề xuất các trò chơi, hoạt động mà mình thích.
MT68. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức .	- Lắng nghe những gì người lớn nói và giúp người lớn những việc vừa sức. * GDKNS: + Dạy trẻ biết giúp đỡ mọi người khi ở nhà, ra đường, ở trường
MT69. Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đến cùng	- Thực hiện công việc được giao(Trục nhật, xếp dọn đồ chơi
MT70. Trẻ thể hiện được sự vui thích khi hoàn thành công việc,	-Vui mừng khi bản thân hoàn thành một công việc nào đó
MT71. Trẻ biết nhận ra các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói , tranh ảnh, âm nhạc
MT72. Trẻ biết mạnh dạn nói ra ý kiến của bản thân.	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến

MT73. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác, biết chờ đến lượt	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. -Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
MT74. Trẻ có khả năng bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói và cử chỉ, nét mặt;	-Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT75. Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	- Có những lời nói thân thiện, lễ phép khi giao tiếp với mọi người xung quanh
MT76. Trẻ biết nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	-Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng - sai , tốt - xấu
MT77. Trẻ biết có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày và tiết kiệm trong sinh hoạt	-Thể hiện hành vi đúng /sai đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày *GDKNS: + Dạy trẻ biết bảo vệ môi trường(Không vứt rác ra sân nhà , ao sông , bảo vệ cây xanh)
MT78. Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	-Dùng các dụng cụ, đồ dùng để chăm sóc cây cối, con vật một cách hứng thú
MT79. Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	-Thân thiện gần gũi với các bạn trong nhóm chơi
MT80. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn	- Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác chấp nhận nhường nhịn - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau
MT81. Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	- Chủ động trò chuyện với bạn và những người xung quanh - Có nhóm bạn hay chơi cùng nhau khi ở nhà cũng như ở lớp học - Dùng lời nói của mình để trao đổi ý kiến của bản thân với các bạn
MT82. Trẻ có khả năng trao đổi ý kiến của mình với các bạn	- Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn - Dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
MT 83. Thể hiện sự quan tâm, đồng cảm đến mọi người xung quanh	-Tôn trọng,hợp tác ,chấp nhận -Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn -Luôn tỏ thái độ khi thấy không công bằng với bạn
MT 84. Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn	-Có ý kiến về sự không công bằng giữa các trẻ -Nêu được cách tạo lại sự công bằng -Có mong muốn lập lại sự công bằng
MT85. Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	- Vui vẻ chấp nhận công việc và cố gắng hoàn thành khi được người khác phân công.
MT86. Trẻ biết chờ đến lượt khi tham	- Sẵn sàng chờ đến lượt của mình

gia vào các hoạt động	
MT87. Trẻ biết sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;	- Trẻ giúp đỡ mọi người xung quanh khi họ gặp khó khăn
MT88. Trẻ biết sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Hợp tác với người khác để thực hiện công việc đơn giản
MT89. Trẻ biết quan tâm một số cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước.	- Có ý thức gìn giữ, bảo vệ những danh lam, thắng cảnh của địa phương, đất nước
MT90. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với cuộc đời hoạt động của Bác, thể hiện tình cảm đối với Bác.	- Quý mến, biết ơn và có ý thức bảo vệ những nơi gắn liền với Bác Hồ
MT91. Trẻ biết thực hiện một số quy định trong gia đình, trường, lớp mầm non, nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép... * GDKNS: + Dạy trẻ KN đội, cởi cát mũ bảo hiểm + Dạy trẻ phép lịch sự khi ngồi trên các PTGT
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.	
MT92 . Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT93. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình	- Thể hiện thái độ trước các tác phẩm nghệ thuật và dùng từ gợi cảm để nói lên cảm xúc của mình - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT94. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... Biết vận động nhịp nhàng nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	* Chủ đề “ Trường mầm non”: + Trường chúng cháu là trường mầm non(Phạm Tuyên), vườn trường mùa thu(Cao Minh Khanh), Bàn tay cô giáo(Định Hải), Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến), Chào ngày mới, Đố bạn biết tên tôi(Nhạc nước ngoài. Lời Lê Đức, Thu Hiền), Vui đến trường(Hồ Bắc), Em đi Mẫu giáo(Dương Minh Viên), Rước đèn dưới trăng, Biểu diễn cuối chủ đề. * Chủ đề “Bản thân”: + “Chúc mừng sinh nhật”(Nhạc: Anh); Cái mũi, Năm ngón tay thân thiết, Tìm bạn thân (Việt Anh), Bạn ở đâu?; Cái mũi, Bạn có biết tên tôi ? (Lê Đức-

	Thu Hiền) Mừng sinh nhật(Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung); Xòe bàn tay nắm ngón tay(Minh Quân); Nào chúng ta cùng tập thể dục(Thu Hiền), Rước đèn dưới ánh trăng , Càng lớn càng ngoan (Nhạc Hàn Quốc), Thật đáng yêu (Theo điệu Bắc Kim Thang, Lời: việt Anh), Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn), Mời bạn ăn (Trần Ngọc) Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ) Biểu diễn cuối chủ đề. *Chủ đề “ Gia đình” + Cả nhà đều yêu(Bùi Anh Tôn), Nhà của tôi(Thu Hiền), Cô và mẹ(Phạm Tuyên), Cho con(Phạm Trọng Cầu, Lời thơ: Tuấn Dũng), cả nhà thương nhau(Phan Văn Minh), Chào hỏi(Trần Hoàng Tiến), Mẹ Đi Vắng(Nhạc Trịnh Công Sơn- Lời Nguyễn Quang Dũng),Mẹ yêu ơi, nhật ký của mẹ(Nguyễn Văn Minh), ba mẹ cho con Bàn tay mẹ (Nhạc: Bùi Đình Thảo, Lời thơ: Tạ Hữu Yên), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu); Biểu diễn cuối chủ đề
	- *Chủ đề “Nghành nghề” +Lớn lên cháu lái máy cày, nhân(Hoàng Văn Yên), Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yên), Làm chú bộ đội(Hoàng Long), Đội kèn tỳ hon(Phan Huỳnh Điểu), Cháu thương chú bộ đội, Bé quét nhà(Hà Đức Hậu), Cháu yêu cô thợ dệt, Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân), Ba em là công nhân lái xe,Biểu diễn âm nhạc cuối chủ đề *Chủ đề “ Động vật ” + Ai cũng yêu chú mèo(Kim Hữu) ; Đàn vịt con(Mộng Lân), Gà trống mèo con cún con(Thế Vinh); Chú gà trống gọi(Kim Hữu). Voi làm xiếc(Nhạc Anh, lời việt: Phan Hiền);Cá vàng bơi(Nguyễn Hà Hải); Con chim non(Lý Trọng), Lý con khỉ, Con gà trống;biểu diễn cuối chủ đề *Chủ đề “ Thế giới thực vật ” + Lý cây xanh(Dân ca Nam Bộ), Quả(Xanh Xanh); Em yêu cây xanh, Mùa xuân(Hoàng Văn Yên), Lá xanh(Thái Cơ);Màu hoa(Hồng Đăng), Hoa trường em(Dương Hưng Bang), Bầu và Bí. Em thêm một tuổi(Trương Quang Lục), biểu diễn cuối chủ đề. *Chủ đề “ Giao thông ” + Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân); Em đi chơi thuyền(Trần Kiệt Tường), Bạn ơi có biết ; Đường em đi(Nhạc: Ngô Quốc Tính, lời thơ: Tường Vân), Đèn xanh đèn đỏ(Nhạc Lương Vĩnh, ý thơ: Thế Hội), Em đi qua ngã tư đường phố(Hoàng Văn Yên), Đoàn tàu nhỏ xíu(Mộng Lân), biểu diễn cuối chủ đề

	*Chủ đề “ Hiện tượng tự nhiên ” + Trời nắng trời mưa(Đặng Nhất Mai), Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung),Cháu vẽ ông mặt trời(Tân Huyền); Trên cát(Nhạc Anh, Lời Việt: Phan Hương); Cho tôi đi làm mưa với(Hoàng Hà);Hạt nắng hạt mưa, Nắng sớm(Hàn ngọc Bích), Hoa bình cho bé(Huy Trân) Đêm sao(Vân Chung), Mùa hè chia tay, Bé Và Trăng (Bùi Anh Tôn), Biểu diễn cuối chủ đề *Chủ đề “ Quê hương đất nước Bắc hồ, Trường tiểu học ” + Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long -Hoàng Lân), Xòe hoa (Dân ca Thái), Em như chim câu trắng(Trần Ngọc); Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh (Phong Nhã); Em yêu trường em(Hoàng Vân), Quê hương, Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Trúc – Lời Tạ Hữu Yên); Trái đất này là của chúng mình(Lời Định Hải- Thơ Trương Quang Lục)
MT95. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc	- Trẻ có những biểu hiện: Vui tươi, nhí nhảnh.....khi nghe các bài hát.... *Chủ đề “ Trường mầm non ” + Lớp chúng mình, ngày đầu tiên đi học, Đi học(Mộng Lân) , (Viễn Phương), Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường và lời Nguyễn Hữu Tường) , Bàn tay cô giáo(Nhạc Phạm Tuyên –Lời Định Hải) Cô giáo miền xuôi(Mộng Lân), Chiếc đèn ông sao(Phạm Tuyên), ánh trăng hòa bình(Nhạc Hồ Bắc - Lời Mộng Lân), *Chủ đề “ Bản thân” + Xòe bàn tay- đếm ngón tay, Chiếc đèn ông sao, Bàn tay mẹ(Nhạc Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yên); Thật đáng chê (Theo điệu Bắc Kim Thang, Lời Việt Anh) *Chủ đề “ Gia đình” +Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Lời ru trên nường (Nhạc: Trần Hoàn, Lời thơ: Nguyễn Khoa Điềm), Bàn tay mẹ(Nhạc Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yên); Niềm vui gia đình (Hoàng Vân), Xe chỉ luôn kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Bó là tất cả (Thập Nhất); Ngôi sao nhỏ(Nhạc Trương Quang Lục, lời thơ: Ngọc Châm); Chỉ có một trên đời(Nhạc Trương Quang Lục, ý thơ: Liên Xô, Ru em (DC Xê đăng) *Chủ đề “ Nghành nghề ” +Đi cấy(Dân ca Thanh Hóa); Xe chỉ luôn kim (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Dân ca tự chọn, ước mơ xanh, Ngày mùa., Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo), Hạt gạo ,Bắc kim thang(Dân ca Nam Bộ);

	Màu áo chú bộ đội(Nguyễn Văn Tý); Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường, lời thơ: Nguyễn Hữu Tường) *Chủ đề “Động vật ” +Rửa mặt như mèo(Hàn Ngọc Bích), Thương con mèo(Huy Du),Con chim vành khuyên(Hoang Vân); Cò lả(Dân ca Đồng bằng Bắc Bộ; Lý con sáo Gò Công(Dân ca Nam Bộ)Chim bay, Đuôi chim; Hoa thơm bướm lượn, Tôm cá cua thi tài *Chủ đề “Thực vật ” +Vườn cây của ba(Phan Nhân), Chúc xuân, Chúc tết, Lượn tròn lượn khéo(Văn Chung); Hoa trong vườn(Dân ca Thanh Hóa) Hoa thơm bướm lượn, Cây trúc xinh(Dân ca quan họ Bắc Ninh), Mùa xuân ơi(Nguyễn Ngọc Thiện) *Chủ đề “ Giao thông ” +Dân ca (tự chọn); Bài ca cảnh sát giao thông, Những con đường em yêu(Hoàng Văn Yến) Đi trên vỉa hè bên phải(Nguyễn Thị Thanh), Tàu hỏa(Bùi Anh Tôn), Nhớ lời cô dặn(Hồng Ngọc); Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, lời thơ: Xuân Quỳnh), Ba em là công nhân lái xe(Lê Văn Lộc) *Chủ đề “ Hiện tượng tự nhiên” +Phao bơi, Con kênh xanh xanh; Hạt nắng hạt mưa, Mưa rơi(Dân ca Xá), Ánh trăng hòa bình(Nhạc Hồ Bắc, Lời: Mộng Lân), Bốn mùa(Hoàng Long), Bé và trăng (Bùi Anh Tôn); Tôi là gió(Trịnh Tuấn Khanh) *Chủ đề “ Quê hương đất nước bác Hồ ” + Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long -Hoàng Lân), Xòe hoa (Dân ca Thái), Em như chim câu trắng(Trần Ngọc); Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh (Phong Nhã); Em yêu trường em(Hoàng Vân), Quê hương, Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Trúc – Lời Tạ Hữu Yên); Trái đất này là của chúng mình(Lời Định Hải- Thơ Trương Quang Lục)
MT96. Trẻ thể hiện sự hứng thú khi tham gia vào các hoạt động âm nhạc: biểu diễn, trò chơi	- Hứng thú tham gia các hoạt động âm nhạc, trò chơi âm nhạc *Trò chơi âm nhạc: Nghe hát nhận bạn, Tai ai tinh, Ai đoán giỏi, Hát theo hình vẽ: Đoán tên bạn hát, Bao nhiêu bạn hát; lắng nghe tìm đồ vật; Ai nhanh nhất; Gà gáy vịt kêu, Nhảy theo điệu nhạc , Trò chơi son – mi, Vận động mô phỏng hành động thao tác của một số nghề , Đèn xanh, đèn đỏ, nhặt sỏi gỗ phách.....
MT 97. Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).

MT98. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	+ Làm quà ngày 8/3 + Làm thiệp tặng bà, tặng mẹ; Cắm hoa + Tạo hình từ củ quả
MT99. Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	- Cầm bút đúng tư thế. - Tô màu đều, không chòem ra ngoài + Trang trí rèm cửa lớp học, + Vẽ, tô màu cô giáo + Vẽ, tô màu chân dung bé, + Vẽ chân dung người thân trong gia đình, , + Vẽ cái nôi, soong, + Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông, + Vẽ, trang trí cái cốc, + Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo + Vẽ con gà trống + Vẽ tàu, thuyền trên biển + Vẽ cảnh biển, + Vẽ trang phục theo mùa, + Vẽ cảnh quê hương em, + Vẽ vườn hoa lăng bác, + Vẽ đồ dùng học tập, + Vẽ, tô màu trường tiểu học
MT 100. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo thành những sản phẩm màu sắc hài hoà, sinh động	+ Nặn tự do theo chủ đề + Nặn đồ dùng gia đình + Nặn một số loại củ quả + Nặn Con vật bé thích + Nặn một số phương tiện giao thông
MT101. Trẻ có thể xé ,cắt, dán ,theo viền các hình thẳng và cong của các hình đơn giản. Sao cho các hình đúng vị trí và không bị nhăn	- Dán hình vào tranh phẳng phiu - Cắt được hình không bị rách, đường cắt lượn theo các nét vẽ - Bôi hồ đều, dán hình vào tranh phẳng phiu, Các chi tiết không trùng lên nhau. + Cắt dán áo bạn trai, bạn gái + Cắt dán ngôi nhà bằng các hình hình học + Cắt dán hình ảnh một số nghề + Cắt dán động vật sống trong rừng + Xé dán đàn cá + Tạo hình au, củ ,quả + Tạo hoa bằng dầu vân tay + Xé dán cây ăn quả + Trang trí bưu thiếp ngày tết + Xé dán cột đèn giao thông + Cắt dán ô tô + Xé dán mây
MT102. Trẻ biết nói lên ý tưởng, tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Trẻ có những biểu hiện thích thú, reo lên trước cảnh đẹp... - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Nói lên nhận xét của mình cho sản phẩm tạo hình

	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình tạo ra
NỘI DUNG GIÁO DỤC TĂNG CƯỜNG	
MT103. <i>Ngoại ngữ:</i> Trẻ tự tin trong giao tiếp chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh; Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ	- Trẻ tự tin trong giao tiếp chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh; Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ
MT104. <i>Năng khiếu múa:</i> Trẻ biết thể hiện một số điệu múa nhịp nhàng, tự tin, khả năng phối hợp nét mặt cử chỉ động tác múa theo nhạc.	- Trẻ biết thể hiện một số điệu múa nhịp nhàng, tự tin, khả năng phối hợp nét mặt cử chỉ động tác múa theo nhạc.
MT105. <i>Tin học:</i> Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính...	- Hướng dẫn trẻ bật tắt máy tính - Hướng dẫn trẻ thao tác với chuột - Hướng dẫn trẻ sử dụng một số ký tự trên bàn phím

PHT PHỤ TRÁCH CM**HIỆU TRƯỞNG****Lê Thị Chung****Cao Thị Thu Minh**

